

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG THÀNH THUỘC
BỘ TƯ LỆNH BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC
THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ**

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG THÀNH

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: 2 Phan Chu Trinh– Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3941 2626 Fax: (84.4) 3934 7818

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Số 36 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện : 04. 3763 8874 Fax: 04. 3837 2573

TỔ CHỨC TƯ VẤN



Biến cơ hội thành giá trị

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 3, TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3818 1888 Fax: (84-4) 3818 1688

Chi nhánh Tp.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3915 1368 Fax: (84-8) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 3525 777 Fax: (84-511) 3525 779

Tháng 5 năm 2017

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU..... | 4 |
| 1. Tổ chức phát hành | 4 |
| 2. Cổ phần chào bán đấu giá..... | 4 |
| 3. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc..... | 5 |
| 4. Tổ chức tư vấn: | 5 |
| II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH..... | 6 |
| III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN | 7 |
| IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN. | 8 |
| V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA..... | 9 |
| 1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa | 9 |
| 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty | 11 |
| 3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu | 20 |
| 4. Tình hình lao động..... | 22 |
| 5. Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 | 23 |
| 6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp..... | 25 |
| 7. Danh sách những Công ty Mẹ, Công ty con của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2016..... | 26 |
| 8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa | 27 |
| 9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành..... | 35 |
| VI. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ..... | 36 |
| 1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh | 36 |
| 2. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần | 38 |
| 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá..... | 41 |
| 4. Cơ cấu lao động của Công ty sau cổ phần hoá | 43 |
| 5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần | 44 |
| VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN | 45 |
| 1. Phương thức bán..... | 45 |
| 2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán | 46 |

| | |
|---|-----------|
| VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ..... | 46 |
| 1. Dự kiến số tiền thu được từ cổ phần hóa..... | 46 |
| 2. Phương án xử lý số tiền thu được từ cổ phần hóa | 47 |
| IX. KẾ HOẠCH THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN..... | 47 |
| X. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 47 |
| 1. Rủi ro về nền kinh tế..... | 47 |
| 2. Rủi ro về luật pháp..... | 49 |
| 3. Rủi ro đặc thù | 50 |
| 4. Rủi ro của đợt chào bán | 50 |
| 5. Các rủi ro khác..... | 50 |
| XI. THAY LỜI KẾT..... | 51 |

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU**1. Tổ chức phát hành**

- Tên Công ty : Công ty TNHH một thành viên Trường Thành
- Địa chỉ : Số 36 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04. 3763 8874
- Fax : 04. 3837 2573
- Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa : 56.000.000.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần : 5.600.000 cổ phần

Trong đó

- ❖ *Cổ phần nhà nước* : 2.240.000 cổ phần, chiếm 40,00% vốn điều lệ
- ❖ *Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động* : 343.100 cổ phần, chiếm 6,13% vốn điều lệ
- ❖ *Tổ chức công đoàn :* : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- ❖ *Các nhà đầu tư bên ngoài* : 3.016.900 cổ phần, chiếm 53,87% vốn điều lệ

Trong đó:

Bán cho Nhà đầu tư chiến lược : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư : 3.016.900 cổ phần, chiếm 53,87% vốn điều lệ

2. Cổ phần chào bán đấu giá

- Số lượng cổ phần chào bán đấu giá : 3.016.900 cổ phần, chiếm 53,87% vốn điều lệ
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
- Hình thức chào bán : Bán đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Giá khởi điểm : 10.000 đồng/cổ phần
- Đặt cọc : Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư : 100 cổ phần

được đăng ký mua tối thiểu

- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư : 3.016.900 cổ phần được đăng ký mua tối đa

3. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc

- + **Thời gian và địa điểm đăng ký tham gia đấu giá:** Được quy định tại **Quy chế đấu giá**
- + **Thời gian tổ chức buổi đấu giá:** Theo thời gian được quy định tại **Quy chế đấu giá**.
- + **Địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần:**

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84- 4) 3941 2626 Fax: (84-4) 3934 7818.

+ **Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:**

- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần: Theo quy định tại **Quy chế đấu giá**.
- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần: Nhà đầu tư chuyển tiền vào tài khoản của các đại lý đấu giá nơi đăng ký tham dự đấu giá.
- Thời gian hoàn trả tiền đặt cọc: Theo quy định tại Quy chế đấu giá.

4. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3 – Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Số điện thoại: 04. 3818 1888 Fax: 04. 3818 1688

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng

Số điện thoại: 0511. 3525 777 Fax: 0511. 3523 779

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM

Số điện thoại: 08. 3915 1368 Fax: 08. 3915 1369

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013; Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần
- Thông tư số 56/2013/TT-BQP ngày 02/5/2013 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong Quân đội thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 114/2015/TT-BQP ngày 28/09/2015 của Bộ quốc phòng hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu trong Quân đội.
- Thông tư 154/2016/TT-BQP ngày 12/10/2016 Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư khi thực hiện sắp xếp công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu trong Bộ quốc phòng.
- Công văn số 25/TTg-ĐMDN ngày 30/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng;
- Quyết định số 5232/QĐ-BQP của Bộ Quốc Phòng ngày 06/12/2015 về thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành thuộc Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng;
- Quyết định số 5233/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng ngày 06/12/2015 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành thuộc Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng;
- Quyết định số 2195/QĐ-BCĐ của Ban chỉ đạo CPH ngày 17/12/2015 về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa;
- Quyết định số 884/QĐ-BQP ngày 26/3/2017 của Bộ Quốc Phòng về phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành thuộc Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng để cổ phần hóa;

- Quyết định số 1905/QĐ-BQP ngày 29/5/2017 của Bộ Quốc Phòng phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành;
- Và các văn bản pháp lý khác liên quan khác.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hoá:

Ông Võ Hồng Thắng - Cục trưởng Cục kinh tế - Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông Nguyễn Việt Anh - Trưởng phòng Quản lý DN/CKT - Thành viên Ban chỉ đạo

Ông Phan Danh Khai - Trưởng ban quản lý vốn/Chi cục Tài chính doanh nghiệp/Cục Tài chính - Thành viên Ban chỉ đạo

Ông Triệu Thế Vinh – Trợ lý phòng Tổng hợp đảm bảo/Văn phòng Bộ quốc phòng - Thành viên Ban chỉ đạo

Ông Vũ Đắc Cương – Trợ lý phòng Kế hoạch tổ chức/Cục Quân lực - Thành viên Ban chỉ đạo

Ông Trần Thế Huỳnh – Trợ lý phòng Kế hoạch/Cục Cán bộ - Thành viên Ban chỉ đạo

Ông Nguyễn Thanh Quang – Trợ lý phòng Nghiên cứu tổng hợp/Cục Chính sách - Thành viên Ban chỉ đạo

Ông Hoàng Đăng Nhiễu - Phó Tư lệnh BĐBP - Thành viên Ban chỉ đạo

Ông Phạm Hữu Cường - Trưởng phòng Kinh tế/BTL BĐBP - Thành viên Ban chỉ đạo

Ông Ngô Minh Văn - Trưởng phòng Tài chính/BTL BĐBP - Thành viên Ban chỉ đạo

Ông Tô Văn Dũng - Chủ tịch Công ty Trường Thành - Thành viên Ban chỉ đạo

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hóa và Tổ chức tư vấn lập, đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa rà soát, đảm bảo theo đúng phương án cổ phần hóa, hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp và các hồ sơ liên quan.

2. Doanh nghiệp cổ phần hoá:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG THÀNH

• Ông Tô Văn Dũng Chức vụ: Chủ tịch Công ty

• Ông Vũ Bá Hiện Chức vụ: Giám đốc Công ty

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý để nhà đầu

tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên Trường Thành trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, kết quả hoạt động, tình hình tài chính của Công ty.

3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

- Ông Vũ Đức Tiến Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản Công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH một thành viên Trường Thành. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH một thành viên Trường Thành cung cấp.

IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản công bố thông tin:

- BQP : Bộ Quốc phòng
- BLTBĐBP : Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng
- Công ty : Công ty TNHH một thành viên Trường Thành
- Trường Thành : Công ty TNHH một thành viên Trường Thành
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- CPH : Cổ phần hóa

V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa

- **Thông tin khái quát**

- Tên doanh nghiệp: **Công ty TNHH một thành viên Trường Thành**
- Địa chỉ: Số 36 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Vốn điều lệ hiện tại: 30.000.000.000 đồng
- Điện thoại: 04. 3763 8874
- Fax: 04. 3837 2573
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp nhà nước: Số 0100705469, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Sản phẩm dịch vụ chủ yếu: Công ty hiện nay đang hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, vv ...
- Website: www.congtytruongthanh.vn

- Lo go



- **Lịch sử hình thành và phát triển**

Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu và tài khoản riêng. Bộ Quốc phòng là đại diện chủ sở hữu, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng là cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.

Được thành lập theo quyết định số: 1575/QĐQP ngày 21/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trên cơ sở sáp nhập Xí nghiệp Trường Sơn (Đoàn 88) và Xí nghiệp Thanh Sơn (Xưởng 5), với tên gọi ban đầu là Công ty Trường Thành.

Kể từ khi thành lập, Công ty đã trải qua nhiều lần điều chỉnh về quy mô và tổ chức:

- Tháng 02/2002, thực hiện Quyết định số: 52/QĐ-BTL ngày 18/02/2002 của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã chuyển nguyên trạng chức năng, nhiệm vụ sửa chữa vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự về Xưởng sửa chữa vũ khí thiết bị quân sự (Xưởng 5) trực thuộc Cục Hậu cần kỹ thuật.

- Tháng 12/2003, thực hiện Quyết định số: 117/2003/QĐ-BQP ngày 09/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã tổ chức sáp nhập Công ty Vân Đồn thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng Quảng Ninh vào Công ty Trường Thành.
- Tháng 8/2010, thực hiện Quyết định số: 2943/QĐ-BQP ngày 12/8/2010 của Bộ Quốc phòng, Công ty Trường Thành được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Trường Thành.
- Năm 2003, Công ty Vân Đồn sáp nhập vào Công ty Trường Thành trở thành Xí nghiệp Vân Đồn - đơn vị hạch toán trực thuộc, đã góp phần đa dạng hóa các lĩnh vực SXKD của Công ty.
- Năm 2004, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Xí nghiệp Xây lắp I và 05 đội trực thuộc được thành lập đã mở rộng địa bàn hoạt động SXKD của Công ty trên phạm vi toàn quốc. Với xu thế phát triển đi lên, để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, năm 2008, Công ty tiếp tục thành lập Xí nghiệp xây lắp II và 07 đội xây dựng trực thuộc, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 04 đơn vị và 12 đội xây dựng trực thuộc.
- Tháng 8/2010, thực hiện quyết định chuyển đổi Công ty Trường Thành thành Công ty TNHH một thành viên Trường Thành của Bộ Quốc phòng, Công ty tiếp tục kiện toàn, hoàn thiện tổ chức Công ty: chuyển đổi các Xí nghiệp thành viên thành Chi nhánh Công ty; thành lập mới Xí nghiệp tư vấn, khảo sát và thiết kế xây dựng - Chi nhánh Công ty.

Trong hai mươi năm xây dựng và phát triển, Công ty TNHH một thành viên Trường Thành cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ được giao; hoạt động SXKD có lãi, bảo toàn và phát triển nguồn vốn Nhà nước; chấp hành đầy đủ nghĩa vụ thu nộp ngân sách với Nhà nước và cấp trên. Nội bộ công ty duy trì đoàn kết, thống nhất; đời sống và thu nhập của cán bộ công nhân viên trong Công ty không ngừng được nâng cao, các mặt hoạt động về chính trị và văn hoá tinh thần trong Công ty thường xuyên được duy trì củng cố.

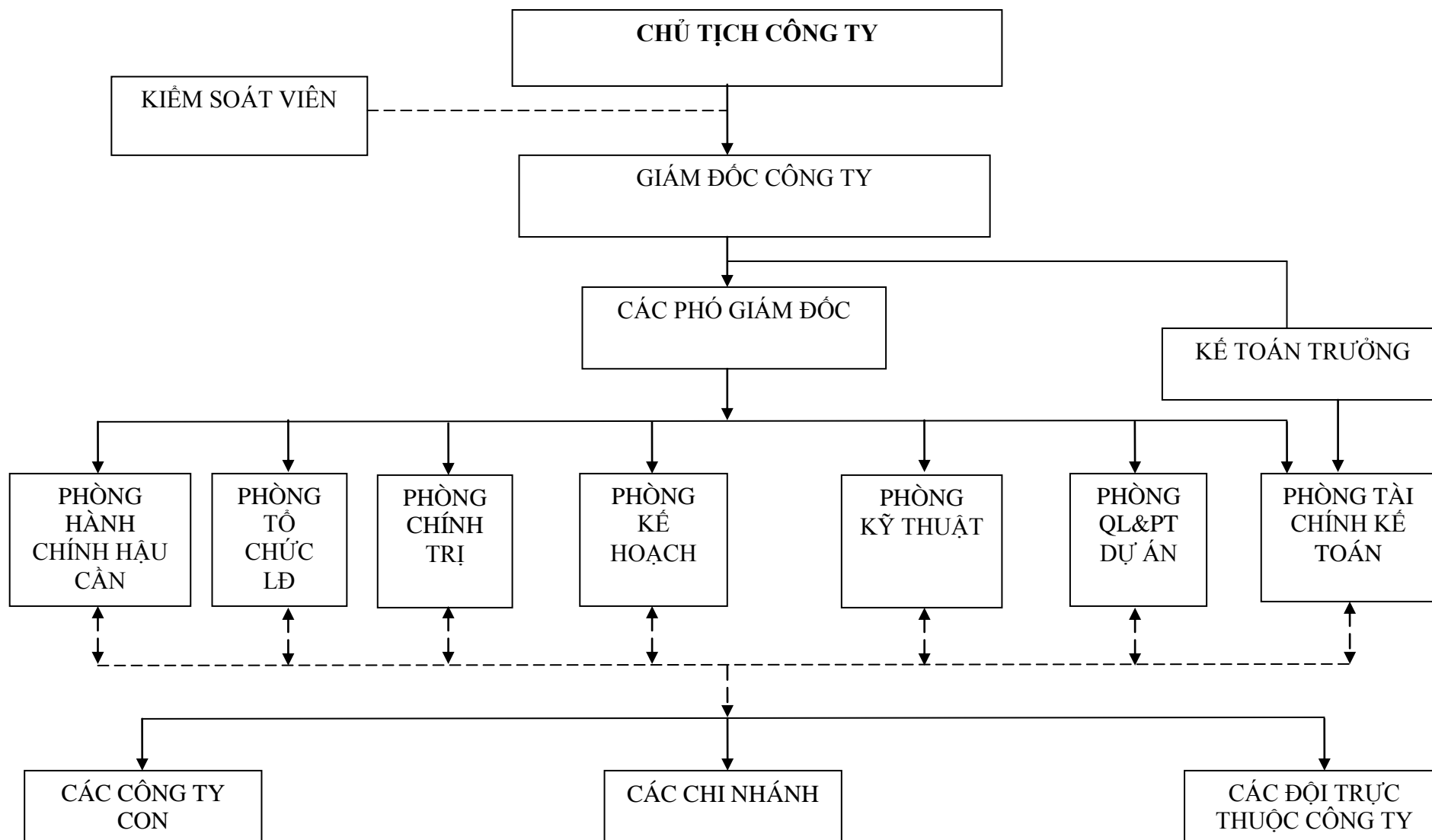
- ***Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa***

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100705469, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh đã đăng ký của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao.

2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty



❖ Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty là đại diện trực tiếp của Chủ sở hữu tại Công ty, do Bộ Quốc phòng bổ nhiệm, có chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành của nhà nước. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật về mọi hoạt động của Công ty.

❖ Kiểm soát viên

Kiểm soát viên do Chủ sở hữu bổ nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu trong giám sát quản lý, điều hành hoạt động sản kinh doanh của Công ty gồm: Việc chấp hành các chế độ chính sách pháp luật của nhà nước; kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn của Công ty nhằm bảo toàn phát triển và kinh doanh có hiệu quả; giám sát công tác tổ chức cán bộ tiền lương; giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính của Công ty.

❖ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc tổ chức điều hành hoạt động của Công ty theo các mục tiêu, kế hoạch của Công ty, và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

❖ Các Phòng nghiệp vụ:**➤ Phòng Tài chính kế toán:****▪ Chức năng:**

Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác quản lý tài chính và hạch toán kế toán

Thay mặt Ban Giám đốc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc công ty thực hiện công tác tài chính kế toán

▪ Nhiệm vụ:

- ✓ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch huy động các nguồn vốn, kế hoạch bảo đảm vốn theo yêu cầu sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư
- ✓ Quản lý chặt chẽ và phát huy triệt để nguồn vốn đầu tư, tổ chức thanh quyết toán các dự án do Công ty làm chủ đầu tư
- ✓ Phân tích đánh giá hoạt động tài chính của Công ty; đề xuất xử lý các phát sinh trong quản lý, sử dụng tài chính
- ✓ Xây dựng, trình Ban Giám đốc Công ty ban hành các quy định quản lý nội bộ công tác Tài chính - Kế toán
- ✓ Đôn đốc các đơn vị có liên quan thực hiện việc thu hồi công nợ
- ✓ Lựa chọn hình thức tổ chức kế toán cho phù hợp với mô hình tổ chức quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Tổ chức thực hiện công tác kế toán - Thống kê; công tác kế toán quản trị Công ty.

- ✓ Theo dõi, hạch toán, kiểm kê, quản lý chặt chẽ giá trị vật tư tài sản và các khoản công nợ của Công ty.
- ✓ Lập báo cáo quyết toán và công khai tài chính theo quy định.
- ✓ Thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng, thuế theo quy trình, quy định của nhà nước.
- ✓ Thường xuyên và định kỳ thực hiện phân tích và báo cáo tình hình hoạt động tài chính của Công ty với Đảng ủy, Ban Giám đốc để có biện pháp quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- ✓ Tổ chức phổ biến chế độ Tài chính - Kế toán của Nhà nước, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ Tài chính - Kế toán.
- ✓ Tổ chức kiểm tra, kiểm toán, giám sát các hoạt động tài chính kế toán trong toàn Công ty.

➤ **Phòng Kế hoạch:**

▪ Chức năng:

Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch SXKD.

Thay mặt Ban Giám đốc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc công ty thực hiện công tác Kế hoạch SXKD.

Thực hiện chức năng pháp chế trong Công ty.

▪ Nhiệm vụ:

- ✓ Nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Xây dựng kế hoạch công tác và kế hoạch sản xuất kinh doanh theo định kỳ (tháng, quý, năm); Tham mưu cho Giám đốc Công ty giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD cho các đơn vị trực thuộc.
- ✓ Tham gia thẩm định kế hoạch công tác và các dự án SXKD trong toàn Công ty.
- ✓ Kiểm tra, tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD theo quy định.
- ✓ Dự thảo các hợp đồng kinh tế và tham gia tổ chức việc thương thảo hợp đồng kinh tế. Quản lý theo dõi quá trình thực hiện, thanh lý các hợp đồng trên sau khi Công ty ký kết.
- ✓ Đề xuất mức giao khoán chỉ tiêu chi phí và lợi nhuận đối với các hoạt động SXKD trong nội bộ Công ty.
- ✓ Thực hiện tổng hợp kiểm kê, thanh xử lý trang thiết bị, vật tư, tài sản trong Công ty.
- ✓ Lập hồ sơ đấu thầu, hồ sơ đề xuất các công trình dự kiến giao đội trực thuộc Công ty thi công; thẩm định hồ sơ đấu thầu, hồ sơ đề xuất do các đơn vị thành viên trình ký.
- ✓ Kiểm tra hồ sơ, đôn đốc thực hiện thanh quyết toán các công trình do công ty thi công.
- ✓ Theo dõi, tổng hợp giá cả vật tư, phụ tùng của từng khu vực, tại từng thời điểm làm cơ sở cho công tác duyệt giá.
- ✓ Theo dõi toàn bộ phương tiện và trang thiết bị của Công ty.

- ✓ Đề xuất các phương án trang bị, điều động, thuê mướn phương tiện, trang thiết bị phục vụ SXKD.
- ✓ Thẩm định việc mua sắm trang thiết bị, vật tư tài sản của Công ty.
- ✓ Tổng hợp, báo cáo cấp trên về công tác quản lý cơ giới, công tác sửa chữa lớn và tái đầu tư phương tiện, trang thiết bị theo định kỳ.
- ✓ Đề xuất kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng phương tiện, trang thiết bị của các đơn vị trực thuộc Công ty.
- ✓ Thường xuyên cập nhật thông tin, hướng dẫn, phổ biến các văn bản pháp luật phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ✓ Tham mưu, đề xuất giải quyết các tranh chấp pháp lý có liên quan đến Công ty.
- ✓ Kiểm tra tính pháp lý của các văn bản Công ty phát hành và các hợp đồng về kinh tế Công ty ký kết theo yêu cầu của Ban giám đốc.
- ✓ Chủ trì xây dựng, sửa đổi hệ thống nội quy quy chế, quy định của Công ty; Thẩm định, đề xuất phê duyệt hệ thống nội quy, quy định của các đơn vị thành viên.
- ✓ Chủ trì tham mưu, đề xuất với Ban Giám đốc Công ty thực hiện công tác thanh tra theo quy định của pháp luật.
- ✓ Tổ chức kiểm tra, đôn đốc thực hiện hệ thống nội quy, quy chế trong toàn Công ty.
- ✓ Chủ trì kiểm tra, đôn đốc thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008 trong toàn Công ty.
- **Phòng Kỹ thuật**
 - Chức năng:
 - ✓ Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong hoạt động SXKD của Công ty.
 - ✓ Thay mặt Ban Giám đốc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc công ty thực hiện công tác kỹ thuật nhằm bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, hiệu quả trong tổ chức sản xuất.
 - Nhiệm vụ:
 - ✓ Căn cứ các quy trình, quy phạm, qui định hiện hành về quản lý kỹ thuật chất lượng sản phẩm phổ biến trong toàn đơn vị thực hiện; Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty về việc giao định mức, tiến độ thi công của từng công trình cho đơn vị thành viên và đội trực thuộc, đồng thời theo dõi đôn đốc trong quá trình thực hiện.
 - ✓ Kiểm tra, giám sát kỹ thuật, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thi công thực hiện theo đúng các qui trình, qui phạm, yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật, tiến độ, chất lượng công trình.
 - ✓ Tổng hợp báo cáo, thẩm định khối lượng công việc hoàn thành, khối lượng công việc dở dang, công việc phát sinh theo định kỳ hoặc đột xuất; tham mưu, đề xuất các biện pháp giải quyết các công việc phát sinh có liên quan đến quản lý kỹ thuật, đặc biệt là quản lý thi công.

- ✓ Lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến công tác quản lý kỹ thuật.
 - ✓ Đối với các dự án Công ty làm chủ đầu tư: Chủ trì việc lập các thủ tục phê duyệt thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình theo qui định; thực hiện công tác giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định.
 - ✓ Chủ trì, phối hợp với phòng Kế hoạch tham mưu, đề xuất khai thác và quản lý các tài sản Công ty giao Phòng Kỹ thuật theo dõi, quản lý.
 - ✓ Chủ trì, tham mưu, đề xuất, theo dõi, đôn đốc, quản lý các nội dung về ATLĐ và trang thiết bị bảo hộ lao động trong toàn Công ty; hướng dẫn và cung cấp cho các đơn vị trực thuộc tài liệu huấn luyện công tác an toàn lao động - bảo hộ lao động.
 - ✓ Lập kế hoạch và tổ chức huấn luyện định kỳ công tác an toàn lao động - bảo hộ lao động trong toàn Công ty.
 - ✓ Thường xuyên kiểm tra công tác an toàn lao động ngoài hiện trường thi công, nhà xưởng, kho tàng; Đề xuất xử lý vi phạm an toàn lao động; Tổng hợp báo cáo công tác an toàn lao động, bảo hộ lao động theo quy định.
 - ✓ Tham gia đoàn điều tra tai nạn lao động, giải quyết hậu quả tai nạn lao động.
 - ✓ Đề xuất các biện pháp thi công tiên tiến, các biện pháp bảo đảm an toàn lao động nhằm giảm bớt chi phí sản xuất, hạ giá thành, hạn chế rủi ro trong sản xuất.
 - ✓ Tập hợp các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phổ biến và áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào sản xuất. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng cũng như các lĩnh vực khác.
- **Phòng quản lý và phát triển dự án**
- Chức năng:
 - ✓ Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc nghiên cứu phát triển đầu tư và quản lý, theo dõi, kiểm tra thực hiện các dự án đầu tư của Công ty.
 - ✓ Thay mặt Ban Giám đốc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc công ty thực hiện công tác Quản lý và phát triển dự án.
 - Nhiệm vụ:
 - ✓ Thường xuyên nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong các lĩnh vực để đưa ra các phương án đầu tư nhằm tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty trong việc lựa chọn dự án đầu tư hiệu quả.
 - ✓ Thường xuyên cập nhật các chính sách có liên quan đến việc thực hiện các dự án đầu tư nhằm tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty trong công tác quản lý, điều hành các dự án đầu tư theo đúng pháp luật.
 - ✓ Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư SXKD, quản lý đánh giá hiệu quả thực hiện đầu tư của các dự án.
 - ✓ Lập kế hoạch đầu tư các dự án theo định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - ✓ Tổ chức thực hiện thủ tục pháp lý đối với các dự án do Công ty làm chủ đầu tư.

- ✓ Tham gia quản lý, giám sát các giai đoạn của dự án theo qui định của Nhà nước và phân công của Công ty.
- ✓ Quản lý, kiểm tra, điều chỉnh quy trình đầu tư của các dự án theo quy định hiện hành. Đề xuất các biện pháp quản lý, vận hành dự án.
- **Phòng Chính trị (kiêm Tổ chức lao động):**
 - Chức năng:

Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc nghiên cứu, thực hiện công tác Đảng, công tác chính trị, công tác cán bộ, công tác thi đua khen thưởng và công tác y tế trong Công ty; Thay mặt Ban Giám đốc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện công tác Đảng, công tác chính trị đảm bảo đúng chủ trương đường lối.

Tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc xây dựng mô hình tổ chức, quản lý lao động và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; Thay mặt Ban Giám đốc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện công tác quản lý lao động và các chế độ chính sách với người lao động.
 - Nhiệm vụ:
 - ✓ Tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty về tổ chức, triển khai thực hiện và kiểm tra các nội dung về Công tác đảng, công tác chính trị trong công ty.
 - ✓ Tham mưu, đề xuất phương án quy hoạch cán bộ, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, chuyển ra đối với cán bộ theo diện quản lý.
 - ✓ Tham mưu, đề xuất tổ chức triển khai công tác thi đua khen thưởng trong Công ty.
 - ✓ Tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám đốc lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của các tổ chức quần chúng.
 - ✓ Thực hiện tốt công tác quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, của Công ty đến CBCNV nhằm làm tốt công tác tư tưởng cho CBCNV.
 - ✓ Cập nhật, đăng tải thường xuyên các bài viết và hình ảnh phản ánh các hoạt động nổi bật trong toàn Công ty (Trước khi đăng tải phải được sự phê duyệt của Ban Giám đốc Công ty).
 - ✓ Duy trì giá trị thương hiệu Công ty.
 - ✓ Chủ trì công tác tổ chức các lễ khởi công công trình toàn Công ty.
 - ✓ Xây dựng cơ cấu tổ chức biên chế và cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty.
 - ✓ Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng, điều động, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công nhân viên và quản lý hồ sơ theo quy định.
 - ✓ Tham mưu, đề xuất phương án quy hoạch cán bộ, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, chuyển ra đối với cán bộ theo diện quân lực quản lý.
 - ✓ Tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám đốc về việc áp dụng, giải quyết chế độ chính sách và các vấn đề liên quan đến tranh chấp lao động trong Công ty.
 - ✓ Thống kê, tổng hợp, phân tích, đánh giá về số lượng, chất lượng lao động, sử dụng lao động.

- ✓ Kiểm tra các đơn vị trực thuộc về việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng lao động.
- ✓ Thực hiện việc khám chữa bệnh và cấp phát thuốc cho CBCNV thuộc đơn vị.
- ✓ Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát và hoàn thiện các thủ tục y tế có liên quan tới chế độ của người lao động.
- ✓ Thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn phòng, chống dịch bệnh trong toàn Công ty.
- **Phòng Hành chính Hậu cần**
 - Chức năng:
 - ✓ Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác văn phòng, quản lý vật chất, tài sản, nhà đất và đảm bảo hậu cần trong Công ty.
 - ✓ Thay mặt Ban Giám đốc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng ban trong Công ty thực hiện công tác văn phòng, quản lý hành chính hậu cần và theo dõi quản lý tài sản tại trụ sở Công ty.
 - Nhiệm vụ:
 - ✓ Tổng hợp và soạn thảo văn bản có liên quan đến công tác văn phòng.
 - ✓ Quản lý, xử lý công văn đi, công văn đến; tổ chức thực hiện công tác văn thư và lưu trữ tài liệu; quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của Nhà nước; quản lý hồ sơ pháp nhân và hồ sơ nhà đất của Công ty.
 - ✓ Duy trì, tổ chức huấn luyện điều lệnh; Thực hiện các nhiệm vụ về công tác quản lý Hành chính quân sự, HCKT theo quy định của quân đội và của cấp trên.
 - ✓ Đề xuất bố trí nơi làm việc của cơ quan Công ty; thực hiện nhiệm vụ lễ tân, tạp vụ, tiếp khách, tổ chức hội nghị, liên hoan của Công ty; mua sắm trang thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm; đảm bảo điện thoại, điện, nước sinh hoạt, tổ chức bếp ăn tập thể cơ quan Công ty.
 - ✓ Quản lý nhà đất, doanh trại, dụng cụ, nhà kho Công ty.
 - ✓ Tổ chức và triển khai thực hiện công tác bảo vệ, phòng chống cháy nổ tại trụ sở Công ty; duy trì nề nếp văn hóa công sở, vệ sinh môi trường xanh, sạch, đẹp của Công ty.
 - ✓ Quản lý điều hành hoạt động của các xe chỉ huy tại cơ quan Công ty.
 - ✓ Kiểm tra, đôn đốc thực hiện công tác văn phòng, hành chính hậu cần của các đơn vị trực thuộc Công ty.
 - ✓ Giúp Ban Giám đốc thực hiện công tác quan hệ ngoại giao với các cơ quan Quản lý nhà nước ở địa phương và các đơn vị ngoài Công ty trong lĩnh vực Hành chính - Hậu cần.
 - ✓ Phối hợp với tổ chức công đoàn tổ chức thực hiện thăm thân, hiếu hi trong Công ty theo quy định.
- **Đội, Công trình trực thuộc Công ty**
 - Chức năng:

Đội, công trình trực thuộc Công ty là đơn vị cơ sở thuộc Công ty, được hoạt động dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, chỉ huy, điều hành trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty. Đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng trong Công ty về các mặt nghiệp vụ, chuyên môn. Thực hiện quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp của Công ty: Thực hiện hạch toán phụ thuộc và chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty. Trên cơ sở nhiệm vụ Công ty giao, chủ động tìm tòi nguồn việc làm, tổ chức thực hiện các hoạt động SXKD đảm bảo tiết kiệm, chất lượng và hiệu quả.

- Nhiệm vụ:
- ✓ Đội, công trình trực thuộc Công ty có trách nhiệm chủ động tìm tòi nguồn việc làm; sản xuất kinh doanh trên cơ sở tự chủ trang trải chi phí trực tiếp và một phần chi phí chung được giao một cách có hiệu quả.
- ✓ Đội, công trình trực thuộc Công ty phải nghiêm chỉnh chấp hành các mệnh lệnh sản xuất của Công ty giao và những nhiệm vụ khác do Ban Giám đốc phân công như: Xây dựng các công trình dân dụng, đồn trạm biên phòng và các công trình khác theo năng lực của Đội.
- ✓ Quản lý có hiệu quả nhất nguồn vốn mà Công ty giao cho; quản lý tài chính, tài sản đúng quy định, không để thất thoát, nợ đọng kéo dài.
- ✓ Đội, công trình trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh, về chất lượng công trình, về chi phí vật chất, về mặt pháp lý những điều khoản đã cam kết với Công ty và với khách hàng.
- ✓ Đội, công trình trực thuộc Công ty có trách nhiệm báo cáo trung thực, đầy đủ kịp thời, chính xác các thông tin, số liệu về các mặt công tác, hạch toán kinh tế, cũng như những quy định khác về Công ty.
- ✓ Đội, công trình trực thuộc Công ty có trách nhiệm thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động, đặc biệt là chế độ tiền lương và tiền thưởng. Giải quyết đúng đắn các mối quan hệ về lợi ích giữa Đội, công trình trực thuộc Công ty và các cơ sở đơn vị có liên quan, thực hiện chế độ phân phối theo lao động và công bằng xã hội, trên cơ sở lợi nhuận của Đội, công trình trực thuộc Công ty tạo ra.
- ✓ Báo cáo Ban Giám đốc Công ty kịp thời khi Đội không có việc làm, không có sản lượng (tối đa không quá 3 tháng) để BGD Công ty xem xét giải quyết.

➤ ***Đơn vị thành viên Công ty***

- Chức năng:
Các Công ty con, các Chi nhánh và các đơn vị khác trực thuộc Công ty nếu được phép thành lập và hoạt động đều gọi là đơn vị thành viên của Công ty.
- Nhiệm vụ:
- ✓ Chịu sự quản lý trực tiếp về mọi mặt của Công ty.
- ✓ Tự chủ trong kinh doanh theo phân cấp quản lý của Công ty. Các Công ty con thực hiện hạch toán độc lập; các Chi nhánh, đơn vị khác trực thuộc Công ty thực hiện hạch toán phụ thuộc.

- ✓ Chủ động tổ chức hoạt động SXKD bảo đảm đúng pháp luật đúng quy định và uỷ quyền của Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp và đóng góp, bảo đảm quyền lợi cho người lao động có tích lũy để tái SX và phát triển SX.
- ✓ Được Công ty giao một số nguồn lực bao gồm : Vốn, tài sản và người lao động, v.v...để sử dụng đúng mục đích, đúng quy định vào nhiệm vụ phục vụ SXKD và chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển các nguồn lực, vốn tài sản, người lao động đã được giao.
- ✓ Mở rộng quan hệ tìm kiếm việc làm, mở rộng kinh doanh thực hiện ký kết hợp đồng và tổ chức thực hiện những điều đã cam kết và thanh lý hợp đồng theo sự uỷ quyền của Giám đốc Công ty.
- ✓ Bảo đảm chính sách chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật và động viên người lao động tích cực tham gia lao động sản xuất và xây dựng đơn vị.
- ✓ Thực hiện tốt công tác kế toán tài chính thống kê, báo cáo, phân tích hoạt động kinh tế tài chính theo pháp luật cũng như các công tác khác theo quy định của công ty và tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của số liệu.
- ✓ Các đơn vị thành viên có trách nhiệm xây dựng quy định riêng phù hợp với điều lệ, nội quy, quy chế của Công ty và có hiệu lực khi được Công ty phê duyệt.

➤ **Tổ chức Đảng, đoàn thể**

Tổ chức Đảng và đoàn thể của công ty gồm:

Tổ chức Đảng: Đảng ủy Công ty TNHH MTV Trường Thành gồm 08 chi bộ trực thuộc và 71 đảng viên.

Công đoàn cơ sở: 125 người.

Đoàn Thanh niên: 45 người.

➤ **Công ty con**

Công ty TNHH một thành viên Biên phòng

➤ **Đơn vị hạch toán phụ thuộc**

Xí nghiệp xây lắp 1

Xí nghiệp xây lắp 2

Xí nghiệp khảo sát, thiết kế, tư vấn và xây dựng

Xí nghiệp Vân Đồn

Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Công ty chủ yếu hoạt động trên các lĩnh vực chính là: Xây dựng nhà các loại, xây dựng các công trình giao thông: cầu, đường ... phục vụ công tác quốc phòng và dân sinh. Cụ thể:

Hoạt động kinh doanh xây lắp

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ lĩnh vực xây lắp, doanh thu hàng năm từ lĩnh vực xây lắp chiếm trung bình trên 90% tổng doanh thu toàn Công ty qua các năm.

Thị trường và địa bàn hoạt động của Công ty rộng khắp cả nước, các khách hàng truyền thống của Công ty là các đơn vị trong Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Biên phòng, Hội Nông dân các tỉnh vv... trong những năm tới Công ty tiếp tục mở rộng thị trường tới các khách hàng như các tập đoàn, doanh nghiệp là chủ đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước...

Một số dự án tiêu biểu của Công ty đã thi công:



Doanh trại Sở chỉ huy Biên phòng tỉnh Cao Bằng



Đường nối cửa khẩu Lê Thanh (VN) đến cửa khẩu Oyadav (CPC)



Trường cao đẳng nghề số 3 – BQP



Trụ sở Chỉ huy Biên phòng tỉnh Cao Bằng



Nhà cán bộ chiến sỹ - Sở chỉ huy Biên phòng tỉnh Cao Bằng



Học viện Biên phòng

Hoạt động kinh doanh thương mại

Cùng với lĩnh vực xây lắp, Công ty đã có gần 20 năm tham gia kinh doanh thương mại. Các đầu mối chính là Xi nghiệp Vân Đồn tại Quảng Ninh và Công ty TNHH MTV Biên Phòng tại TP.HCM. Trong đó: Xi nghiệp Vân Đồn thực hiện kinh doanh chế biến than; Công ty Biên Phòng thực hiện kinh doanh xăng dầu, nhưng từ năm 2014 đã phải dừng kinh doanh xăng dầu, hiện nay hoạt động kinh doanh chính là xây lắp.

4. Tình hình lao động**4.1. Thu nhập CBCNV**

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|-----|------------------------------------|----------------|-----------------|-----------------|
| 1 | Tổng quỹ lương (đồng) | 80.784.000.000 | 104.922.000.000 | 162.487.200.000 |
| 2 | Tổng số lao động bình quân (người) | 1.020 | 1.305 | 1.714 |
| 3 | Thu nhập BQ (đồng/người/tháng) | 6.600.000 | 6.700.000 | 7.900.000 |

Nguồn: Công ty

4.2. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty.

- ❖ Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: **144 người**
- ❖ Phân loại lao động của Tổng công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp như sau (tại ngày 31/12/2015):

| STT | Trình độ | Số người | Tỷ lệ |
|-----------|---|------------|-------------|
| I | Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động | 144 | 100% |
| 1 | Đối tượng không ký hợp đồng lao động (Sỹ quan; Quân nhân chuyên nghiệp) | 45 | 31,25% |
| 2 | Công nhân viên quốc phòng | 12 | 8,33% |
| 3 | Lao động hợp đồng không xác định thời hạn | 64 | 44,44% |
| 4 | Lao động hợp đồng có xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng | 23 | 15,97% |
| 5 | Hợp đồng lao động thời vụ dưới 3 tháng | - | - |
| II | Phân theo trình độ | 144 | 100% |
| 1 | Trên đại học | 4 | 2,78% |

| STT | Trình độ | Số người | Tỷ lệ |
|------------|---------------------------------|------------|-------------|
| 2 | Đại học | 91 | 63,19% |
| 3 | Cao đẳng | 7 | 4,86% |
| 4 | Trung cấp | 24 | 16,67% |
| 5 | Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật | 18 | 12,50% |
| III | Phân loại theo giới tính | 144 | 100% |
| 1 | Nam | 98 | 68,06% |
| 2 | Nữ | 46 | 31,94% |

Nguồn: Công ty

5. Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015

Theo Quyết định số 884/QĐ-BQP ngày 26/3/2017 của Bộ Quốc Phòng về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Trường Thành, giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2016 là **338.219.495.946** đồng. Trong đó:

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: **55.988.574.304** đồng

Chi tiết kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Số liệu sổ kế toán | Số liệu xác định lại | Chênh lệch |
|---|------------------------|------------------------|----------------------|
| <i>I</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4 = 3 - 2</i> |
| A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV) | 336.135.496.151 | 338.219.495.946 | 2.083.999.796 |
| I. TSCĐ và đầu tư dài hạn | 17.204.291.785 | 18.422.459.382 | 1.218.167.597 |
| 1. Các khoản phải thu dài hạn | 39.139.319 | 39.139.319 | - |
| 2. Tài sản cố định | 15.815.152.466 | 17.377.736.393 | 1.562.583.927 |
| 3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 1.350.000.000 | 862.464.556 | (487.535.444) |
| 4. Chi phí trả trước dài hạn | - | 143.119.114 | 143.119.114 |
| II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn | 318.931.204.366 | 319.432.005.459 | 500.801.093 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 13.573.714.416 | 13.573.731.116 | 16.700 |
| <i>a. Tiền</i> | <i>13.573.714.416</i> | <i>13.573.731.116</i> | <i>16.700</i> |
| <i>b. Các khoản tương đương tiền</i> | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |

| Chỉ tiêu | Số liệu sổ kế toán | Số liệu xác định lại | Chênh lệch |
|--|------------------------|------------------------|----------------------|
| 2. Các khoản phải thu ngắn hạn | 198.664.698.789 | 199.165.483.182 | 500.784.393 |
| 3. Hàng hóa tồn kho | 101.695.148.379 | 101.695.148.379 | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 4.997.642.782 | 4.997.642.782 | - |
| III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp | - | 365.031.106 | 365.031.106 |
| IV. Giá trị quyền sử dụng đất | - | - | - |
| B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG | 3.016.879.080 | 3.016.879.080 | - |
| I. TSCĐ và đầu tư dài hạn | 1.831.849.438 | 1.831.849.438 | - |
| II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn | 1.185.029.642 | 1.185.029.642 | - |
| C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ | - | - | - |
| D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI | - | - | - |
| TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D) | 339.152.375.231 | 341.236.375.026 | 2.083.999.796 |
| Trong đó: | | | |
| TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A) | 336.135.496.151 | 338.219.495.946 | 2.083.999.796 |
| E1. Nợ thực tế phải trả | 281.707.834.658 | 282.208.620.051 | 500.785.393 |
| E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp | 22.301.591 | 22.301.591 | - |
| TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A - (E1+E2)) | 54.405.359.902 | 55.988.574.304 | 1.583.214.403 |

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Trường Thành tại thời điểm 31/12/2015

Những vấn đề cần tiếp tục xử lý:

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:

- Đến thời điểm phát hành Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty đã tiến hành đối chiếu được 85,0% giá trị công nợ phải thu và 91,4% giá trị công nợ phải trả. Công ty tiếp tục hoàn tất việc đối chiếu công nợ trước thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu khi cổ phần hoá.

Đến thời điểm hiện nay:

- Công ty đã tiến hành đối chiếu được 95% giá trị công nợ phải thu và 97% giá trị công nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Các khoản công nợ còn lại, công ty đã gửi các khách nợ, tiếp tục đối chiếu.

- Đối với các khoản công nợ không có khả năng thu hồi của các tổ chức, cá nhân số tiền: 1.185.029.642 đồng, Công ty đã đề nghị phương án xử lý như sau:

+ Xóa nợ đối với các khoản công nợ phải thu không có khả năng thu hồi nhưng khách nợ đã mất, các khoản công nợ giảm do cắt giảm của cơ quan có thẩm quyền với lý do khách quan, giá trị: 764.634.880 đồng.

+ Đối với các khoản công nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã được xử lý loại bỏ giá trị doanh nghiệp nhưng khách nợ vẫn tồn tại (các công trình thuộc vốn ngân sách nhà nước chủ đầu tư không bố trí được nguồn vốn thanh toán) với giá trị: 420.394.762 đồng, bàn giao sang công ty cổ phần tiếp tục theo dõi và tổ chức thu hồi.

6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

▪ Tình hình sử dụng đất đai của Công ty:

| STT | Diễn giải | Diện tích sử dụng (m ²) | Công trình trên đất | Mục đích sử dụng | Hình thức sử dụng | Thời hạn sử dụng | Phương án sử dụng sau CPH |
|-----|---|-------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|-------------------|--|
| 1 | Đất Trụ sở chính tại: Số 36 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Trước đây là Xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội). | 1.785 | 01 Nhà 5 tầng, 02 dãy nhà cấp 4 | Dùng làm trụ sở làm việc | Đất quốc phòng được cấp trên giao | Xác định thời hạn | Dùng làm trụ sở làm việc. Thuê đất trả tiền hàng năm |
| 2 | Đất trụ sở XN Vân Đồn tại Khu đất nhà An điều dưỡng, đường Hậu Cần, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | 838 | Nhà làm việc cấp 4 | Dùng làm trụ sở làm việc | Đất quốc phòng được cấp trên giao | Xác định thời hạn | Bàn giao lại về cho Bộ tư lệnh Biên phòng theo nội dung văn bản số 2618/BTM-TC ngày 27/12/2016 |
| 3 | Đất trụ sở Chi nhánh TPHCM tại phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh | 1.152 | Nhà làm việc cấp 4 | Dùng làm trụ sở làm việc | Đất quốc phòng được cấp trên giao | Xác định thời hạn | Bàn giao về cho Bộ tư lệnh Biên phòng theo quyết định 1373/QĐ-BTL ngày 09/5/2016 |

| STT | Diễn giải | Diện tích sử dụng (m ²) | Công trình trên đất | Mục đích sử dụng | Hình thức sử dụng | Thời hạn sử dụng | Phương án sử dụng sau CPH |
|-----|------------------|-------------------------------------|---------------------|------------------|-------------------|------------------|---------------------------|
| | Tổng cộng | 3.775 | | | | | |

▪ **Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015**

| STT | Loại tài sản | Giá trị sổ sách | | Giá trị đánh giá lại | |
|----------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
| A | TSCĐ đang dùng | 24.593.052.847 | 15.815.152.466 | 26.813.523.029 | 17.377.736.393 |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 4.280.041.634 | 2.806.917.506 | 6.522.581.816 | 3.886.596.938 |
| 2 | Máy móc, thiết bị | 3.497.006.521 | 2.605.315.095 | 3.474.936.521 | 2.646.889.546 |
| 3 | Phương tiện vận tải | 16.816.004.692 | 10.402.919.865 | 16.816.004.692 | 10.844.249.909 |
| B | TSCĐ không cần dùng | 2.378.629.045 | 1.831.849.438 | 2.378.629.045 | 1.831.849.438 |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 2.378.629.045 | 1.831.849.438 | 2.378.629.045 | 1.831.849.438 |
| C | TSCĐ chờ thanh lý | 3.407.240.060 | - | 3.407.240.060 | - |
| 1 | Máy móc, thiết bị | 360.000.000 | - | 360.000.000 | - |
| 2 | Phương tiện vận tải | 3.047.240.060 | - | 3.047.240.060 | - |
| | Tổng cộng | 30.378.921.952 | 17.647.001.904 | 34.978.021.179 | 19.209.585.831 |

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 của Trường Thành

7. Danh sách những Công ty Mẹ, Công ty con của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2016

- **Công ty mẹ:** Không có công ty mẹ
- **Các công ty con:**

| STT | Tên công ty | Vốn điều lệ thực góp | | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh |
|-----|--|----------------------|------------------------------|--|-----------------------|
| | | Triệu đồng | Tỷ lệ sở hữu của Vigecam (%) | | |
| 1. | Công ty TNHH Một thành viên Biên phòng | 1.350 | 100% | Số 2 Nguyễn Thái Sơn, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh | Xây dựng công trình. |

- **Đơn vị hạch toán phụ thuộc**

| STT | Tên công ty | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh |
|-----|--|--|-----------------------------|
| 1. | Xí nghiệp xây lắp 1 | Số 36 Cầu Diễn, Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội | Hoạt động xây lắp |
| 2. | Xí nghiệp xây lắp 2 | Số 36, Cầu Diễn, Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, HN | Hoạt động xây lắp |
| 3. | Xí nghiệp Khảo sát, thiết kế, tư vấn và xây dựng | Số 36, Cầu Diễn, Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, HN | Tư vấn, khảo sát, thiết kế |
| 4. | Xí nghiệp Vân Đồn | Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh | Hoạt động xây dựng, xây lắp |
| 5. | Chi nhánh Công ty tại TP. HCM | Số 2, Nguyễn Thái Sơn, Gò Vấp, TP HCM | Hoạt động xây dựng, xây lắp |

8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

8.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

8.1.1. Sản lượng, doanh thu

Sản lượng dịch vụ từ 2014 - 2016

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Hoạt động | 2014 | | 2015 | | 2016 | |
|-----|-----------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------|--------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Hoạt động bán hàng hóa | 55.151 | 16,56% | 27.444 | 6.32% | 152.383 | 19,70 |
| 2 | Hoạt động cung cấp dịch vụ | 1.340 | 0,40% | 59 | 0,01% | - | - |
| 3 | Hoạt động xây dựng, lắp đặt | 276.453 | 83,03% | 406.868 | 93,67% | 620.983 | 80,03 |
| | Tổng cộng | 332.944 | 100% | 434.371 | 100% | 773.366 | 100% |

Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Trường Thành

Doanh thu sản phẩm và dịch vụ từ 2014 -2016

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Hoạt động | 2014 | | 2015 | | 2016 | |
|-----|-----------|---------|--------------|---------|--------------|---------|--------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |

| STT | Hoạt động | 2014 | | 2015 | | 2016 | |
|-----|-----------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------|--------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Hoạt động bán hàng hóa | 50.137 | 16,56% | 24.949 | 6,32% | 138.530 | 19,70% |
| 2 | Hoạt động cung cấp dịch vụ | 1.218 | 0,40% | 54 | 0,01% | - | - |
| 3 | Hoạt động xây dựng, lắp đặt | 251.321 | 83,03% | 369.880 | 93,67% | 564.530 | 80,30% |
| | Tổng cộng | 302.676 | 100% | 394.883 | 100% | 703.059 | 100% |

Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Trường Thành

Tổng doanh thu của Công ty tăng mạnh qua các năm, từ năm 2014 đến năm 2016, do nền kinh tế đất nước đã phục hồi và phát triển. Trong cơ cấu doanh thu của Công ty lĩnh vực xây lắp luôn có tỷ trọng lớn, kinh doanh thương mại chưa thật sự ổn định.

8.1.2. Nguồn cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào

Do xây lắp là lĩnh vực chủ đạo trong cơ cấu doanh thu, do vậy nguyên vật liệu được sử dụng là những loại nguyên vật liệu đặc thù phục vụ cho hoạt động xây lắp (thép, cát, đá, gạch, xi măng...), chủng loại nguyên vật liệu được lựa chọn theo tiêu chuẩn xây dựng và yêu cầu tiêu chuẩn của từng công trình.

Đặc thù các công trình xây lắp của Công ty là phân tán trên nhiều địa phương trong cả nước, do vậy, các nhà cung cấp vật liệu cho công ty cũng có sự phân tán tại nhiều địa phương. Tùy từng công trình, thời điểm cụ thể, công ty sẽ tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp nhất theo nhu cầu.

8.1.3. Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chi phí | Năm 2014 | | Năm 2015 | | Năm 2016 | |
|----|-------------------|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|-------------|
| | | Giá trị | %/DTT | Giá trị | %/DTT | Giá trị | %/DTT |
| 1 | Giá vốn hàng bán | 284.408 | 94,61% | 368.675 | 94,65% | 665.638 | 95,41% |
| 2 | Chi phí tài chính | 1.259 | 0,42% | 500 | 0,13% | 520 | 0,07% |
| 3 | Chi phí bán hàng | - | - | 1.730 | 0,44% | 7.918 | 1,13% |
| 4 | Chi phí QLDN | 14.685 | 4,88% | 18.533 | 4,76% | 23.550 | 3,38% |
| 5 | Chi phí khác | 271 | 0,09% | 93 | 0,02% | 39 | 0,01% |
| | Tổng | 300.623 | 100% | 389.531 | 100% | 697.665 | 100% |

Nguồn: BCTC 2014, 2015, 2016 của Công ty

Trong cơ cấu chi phí của Công ty, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trên 94% do Công ty chủ yếu tập trung vào thi công các công trình xây dựng nên tỷ lệ tăng trưởng chi phí giá vốn tương đương với tỷ lệ tăng trưởng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đặc thù ngành xây dựng nên giá vốn của công ty chủ yếu là chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu, chi phí khấu hao máy móc thiết bị... Tỷ lệ chi phí giá vốn năm 2014 và 2015 và 2016 chiếm tỷ trọng khá cao (trên 94%).

Năm 2014 Công ty không có chi phí bán hàng, năm 2015 và 2016 chi phí bán hàng của Công ty chiếm tỷ trọng 0,44% và 1,13%. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng chiếm tỷ trọng ổn định trong cơ cấu tổng chi phí (chiếm từ 4% - 5% qua các năm từ 2014 đến 2016) do Công ty thực hiện chính sách điều tiết chi phí hợp lý và công tác quản lý doanh nghiệp của Công ty cũng khá tốt qua các giai đoạn.

Chi phí tài chính của Công ty chiếm tỷ trọng dưới 1%, doanh thu, giá vốn các năm 2015, 2016 tăng cao nhưng chi phí tài chính không tăng do công ty quay vòng vốn tốt và chiếm dụng được nguồn vốn từ khách hàng. Chi phí khác của Công ty chiếm một tỷ trọng nhỏ (dưới 0,2%) trong tổng chi phí của Công ty.

8.1.4. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Nhận biết được tầm quan trọng của chất lượng công trình với hình ảnh và uy tín của một doanh nghiệp. Công ty luôn chú trọng tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước về công tác quản lý đảm bảo chất lượng công trình. Công ty xây dựng, ban hành hệ thống quản lý chất lượng nội bộ, đáp ứng được yêu cầu quản lý chất lượng của các dự án xây dựng Công ty tham gia thi công, điển hình là hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, theo đó:

+ Tất cả các nguyên vật liệu đầu vào đều được kiểm tra chất lượng một cách kỹ lưỡng và chặt chẽ, các vật liệu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng mới được đưa vào sử dụng cho công trình. Để kiểm soát chất lượng đầu vào, vật liệu phải được cung cấp bởi các đơn vị và các nhà sản xuất có uy tín, vật liệu sử dụng phải có đầy đủ chứng chỉ chất lượng theo quy định pháp luật.

+ Cử cán bộ thường xuyên theo dõi giám sát công trình, có trách nhiệm trong việc quản lý chất lượng. Hướng dẫn, phổ biến, giám sát các đơn vị chấp hành đúng quy trình, quy phạm hoặc quy định kỹ thuật đối với mỗi công trình đơn vị đảm nhiệm.

+ Công tác quản lý chất lượng phải được báo cáo Lãnh đạo Công ty thông qua các hội nghị giao ban hoặc bằng văn bản nhanh chóng, kịp thời, chính xác.

+ Tích cực đề xuất những giải pháp kỹ thuật với Tư vấn hoặc Chủ đầu tư trong trường hợp thi công có những vấn đề liên quan đến chất lượng hoặc giải pháp thi công.

+ Công tác quản lý chất lượng của từng công trình phải được tập hợp và lưu trữ theo chế độ qui định của Nhà nước để phục vụ cho công tác lập hồ sơ hoàn công.

8.1.5. Hoạt động Marketing

Các hình thức quảng cáo về hình ảnh, thương hiệu của Công ty:

- Xây dựng website: congytruongthanh.vn để đăng tin bài nhằm giới thiệu về công ty.

- In ấn, phát hành hồ sơ năng lực để giới thiệu với các đối tác, khách hàng về hình ảnh Công ty.

- Tham gia quảng bá hình ảnh tại một số ấn phẩm báo chí trong và ngoài lực lượng quân đội: báo Biên phòng, tạp chí kinh tế quốc phòng...

8.1.6. Trình độ công nghệ

Đề phù hợp với điều kiện, tính chất và địa bàn hoạt động, trong nhiều năm qua Công ty đã kết hợp giữa đầu tư mua sắm và thuê sử dụng máy móc, trang thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh. Các máy móc thiết bị được Công ty đầu tư mua sắm đều phát huy tác dụng, trong đó một số thiết bị được đầu tư mua sắm mới có tính năng tiêu chuẩn hiện đại.

Danh mục một số máy móc, thiết bị chính của Công ty như sau:

| STT | LOẠI THIẾT BỊ | NƯỚC SX | NĂM SX | SỐ LƯỢNG |
|-----------|---|----------|------------|----------|
| I | Máy móc thiết bị, phương tiện truyền dẫn | | | |
| 1 | Máy san Komatsu | Nhật | 1988 | 1 |
| 2 | Máy đào Kobelco PW 13ES6K | Nhật | 2000 | 1 |
| 3 | Máy đào Kobelco PW 160ESK7 | Nhật | 2004 | 1 |
| 4 | Máy đầm cóc MT72 | Nhật | 2015 | 2 |
| 5 | Giàn giáo hoàn thiện (bộ) | Việt Nam | 2011 | 968 |
| 6 | Máy toàn đạc điện tử | Thụy Sĩ | 2015 | 2 |
| 7 | Máy đo dài | Nhật | 2015 | 3 |
| 8 | Máy thủy bình | Thụy Sĩ | 2015 | 4 |
| II | Phương tiện vận tải | | | |
| 1 | Xe ô tô Toyota Fortuner | Thái Lan | 2011; 2014 | 2 |
| 2 | Xe ô tô Ford Escape | Mỹ | 2002; 2003 | 2 |
| 3 | Xe ô tô Toyota Hilux | Thái Lan | 2015 | 4 |
| 4 | Xe ô tô Toyota Zace | Nhật Bản | 2003; 2004 | 02 |
| 5 | Xe tải Thaco Auman | Việt Nam | 2014 | 2 |
| 6 | Xe ô tô KAMAZ | Nga | 1997 | 2 |
| 7 | Tàu chở dầu 1000 tấn | Việt Nam | 2009/2010 | 1 |
| 8 | Tàu chở dầu 463 tấn | Việt Nam | 2009 | 1 |
| 9 | Tàu chở dầu 140 tấn | Việt Nam | 2000/2005 | 1 |
| 10 | Xà lan chở dầu 100 tấn | Việt Nam | 2009 | 1 |

Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Trường Thành

8.1.8. Logo, nhãn hiệu thương mại:



Năm 2011, để nhận diện thương hiệu, tăng cường quảng bá hình ảnh, Công ty đã thuê đơn vị tư vấn thiết kế và đăng ký bản quyền logo hình ảnh của Công ty với slogan: “Trường Thành - Đồng hành cùng chất lượng”

8.1.9. Các hợp đồng đang thực hiện và đã được ký kết:

| TT | Tên Hợp đồng | Tổng giá trị (triệu đồng) | Năm khởi công | Chủ đầu tư |
|----|--|---------------------------|---------------|---------------------------------|
| 1 | Gói thầu số 11: Xây dựng Sở chỉ huy BĐBP tỉnh Phú Yên | 59.403 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh Phú Yên |
| 2 | Gói thầu số 10: Xây dựng Sở Chỉ huy BĐBP tỉnh Gia Lai | 53.992 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh Gia Lai |
| 3 | Gói thầu số 36: Xây dựng Xưởng đập thô; Xưởng sàng; Xưởng đập vừa và nhỏ” thuộc Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyến Đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh). | 51.806 | 2016 | Tổng Công ty Khoáng sản – TKV |
| 4 | Gói thầu số 2: Công trình: Đường TTBG khu vực tỉnh An Giang | 45.013 | 2015 | Ban QLDA 47/BTTM |
| 5 | Gói thầu số 3: Xây dựng BCH Cảng cửa khẩu BĐBP Bà Rịa - Vũng Tàu | 41.343 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 6 | Gói thầu số 12: Xây dựng đường giao thông biên giới từ Trạm kiểm soát BP A Dơi đi Trạm kiểm soát BP Pa Roi | 41.324 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh Quảng Trị |
| 7 | Gói thầu 19: Xây dựng công trình thủy công Hải đội 2 BĐBP TP. Hải Phòng | 40.609 | 2016 | BCH BĐBP TP Hải Phòng |
| 8 | Xây dựng Cầu cảng và bến cập tàu Hải đội 2 BĐBP tỉnh Quảng Trị | 39.761 | 2015 | BCH BĐBP tỉnh Quảng Trị |
| 9 | Gói thầu số 12: Xây dựng Bến cập tàu Hải đội 2 BĐBP tỉnh Bến Tre | 33.950 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh Bến Tre |
| 10 | Gói thầu số 11: Xây dựng Tiểu đoàn HLCĐ BĐBP tỉnh Cao Bằng | 31.766 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh Cao Bằng |
| 11 | Gói thầu số 11: Xây dựng Bến cập tàu Hải đội 2 BĐBP tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu | 31.026 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 12 | Gói thầu số 09: Xây dựng Bến cập tàu Hải đội 2 BĐBP tỉnh Bạc Liêu | 30.006 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh Bạc Liêu |
| 13 | Gói thầu số 14: Xây dựng Đồn Biên phòng Mỹ Thọ (312)/BCH BĐBP tỉnh Bình Định | 29.790 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh Bình Định |
| 14 | Gói thầu số 01: Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân - Hội nông dân tỉnh Kon Tum | 28.961 | 2015 | Hội nông dân tỉnh Kon Tum |
| 15 | Gói thầu số 10: Xây dựng Bến cập tàu Hải đội 2/BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình. | 28.348 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh Thái Bình |
| 16 | Gói thầu số 12: Xây dựng đồn BP Xuân Thịnh (344)/BĐBP Phú Yên | 27.927 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh Phú Yên |
| 17 | Gói thầu số 12: Xây dựng đồn BP Cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo/BCH BĐBP Quảng Trị | 27.554 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh Quảng Trị |
| 18 | Gói thầu số 07: Xây dựng Sở Chỉ huy | 25.840 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh |

| TT | Tên Hợp đồng | Tổng giá trị (triệu đồng) | Năm khởi công | Chủ đầu tư |
|----|---|---------------------------|---------------|------------------------|
| | BĐBP tỉnh Gia Lai | | | Gia Lai |
| 19 | Gói thầu số 10: Xây dựng Doanh trại Hải đội 2 BP Đà Nẵng | 23.780 | 2016 | BCH BĐBP TP. Đà Nẵng |
| 20 | Gói thầu số 10: Xây dựng Nhà khách đối ngoại BĐBP tỉnh Lạng Sơn | 21.926 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh Lạng Sơn |
| 21 | Gói thầu số 4: Xây dựng Đồn BP Lũng Nặm (133)/BCH BĐBP Cao Bằng | 21.450 | 2016 | BCH BĐBP tỉnh Cao Bằng |

Nguồn: Công ty

8.2. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | 2014 | 2015 | 2016 |
|----|---|-----------------|-----------|-----------|-----------|
| 1 | Tổng tài sản | triệu đồng | 260.542 | 339.150 | 420.195 |
| 2 | Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán | triệu đồng | 53.022 | 57.445 | 57.452 |
| 3 | Nợ ngắn hạn | triệu đồng | 197.520 | 271.705 | 352.744 |
| | Trong đó: Nợ quá hạn | triệu đồng | - | - | - |
| 4 | Nợ dài hạn | triệu đồng | 10.000 | 10.000 | 10.000 |
| | Trong đó: Nợ quá hạn | triệu đồng | - | - | - |
| 5 | Tổng doanh thu | triệu đồng | 304.930 | 395.960 | 705.506 |
| 6 | Tổng chi phí | triệu đồng | 300.622 | 389.532 | 697.665 |
| 7 | Số lao động bình quân | Người | 1.020 | 1.305 | 1.714 |
| 8 | Tổng quỹ lương | triệu đồng | 80.784 | 104.922 | 162.487 |
| 9 | Thu nhập bình quân | vnd/người/tháng | 6.600.000 | 6.700.000 | 7.900.000 |
| 10 | Lợi nhuận trước thuế | triệu đồng | 4.308 | 6.428 | 7.841 |
| 11 | Lợi nhuận sau thuế | triệu đồng | 3.354 | 4.996 | 6.267 |
| 12 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước | % | 6,33 | 8,70 | 10,91 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2014, 2015, 2016 của Công ty

+ **Công nợ phải thu**

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2014 | 31/12/2015 | 31/12/2016 |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu của khách hàng | 116.039.478.205 | 154.032.171.079 | 169.531.574.120 |
| Trả trước cho người bán | 1.602.701.630 | 2.504.808.984 | 4.895.924.640 |
| Các khoản phải thu khác | 24.836.947.913 | 43.805.064.368 | 34.310.341.667 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | (496.283.000) | (496.283.000) | (496.283.000) |
| Tổng cộng | 141.982.844.748 | 199.845.761.431 | 208.241.557.427 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015, 2016 của Công ty

+ **Công nợ phải trả**

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2014 | 31/12/2015 | 31/12/2016 |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Nợ ngắn hạn | 197.519.531.103 | 271.705.138.805 | 353.743.585.407 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 174.225.000 | - | - |
| Phải trả cho người bán | 97.728.794.518 | 104.291.522.463 | 149.286.818.834 |
| Người mua trả tiền trước | 28.884.422.592 | 44.567.447.922 | 138.097.892.479 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 372.497.279 | 2.026.448.625 | 3.740.467.168 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 4.103.128.552 | 6.672.798.107 | 5.425.482.276 |
| Phải trả người lao động | 1.857.502.744 | 3.186.360.617 | 5.233.102.778 |
| Các khoản phải trả khác | 64.398.960.418 | 110.960.561.071 | 50.959.821.872 |
| Nợ dài hạn | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Vay và nợ dài hạn | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Tổng cộng | 207.519.531.103 | 281.705.138.805 | 362.743.585.407 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015, 2016 của Công ty

+ **Các chỉ tiêu tài chính năm 2014 – 2016**

| Chỉ tiêu | 2014 | 2015 | 2016 |
|--|------|------|------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1,22 | 1,18 | 1,14 |

| Chỉ tiêu | 2014 | 2015 | 2016 |
|---------------------------------------|--------|--------|--------|
| Hệ số thanh toán nhanh | 0,90 | 0,80 | 0,77 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản | 79,65 | 83,06 | 86,33 |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | 391,38 | 490,39 | 731,38 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay tổng tài sản | 1,16 | 1,16 | 1,67 |
| Vòng quay hàng tồn kho | 4,41 | 3,63 | 5,10 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số LN sau thuế/DT thuần | 1,11 | 1,27 | 0,89 |
| Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 6,33 | 8,70 | 10,91 |
| Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản | 1,29 | 1,47 | 1,49 |
| Hệ số LN từ hoạt động SXKD/DT thuần | 1,47 | 1,53 | 1,09 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015, 2016 của Công ty

8.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ giúp đỡ của ban lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng, các cơ quan chức năng giúp đỡ Công ty trong quá trình hoạt động.
- Bộ máy lãnh đạo Công ty ổn định, cán bộ và người lao động nêu cao tinh thần đoàn kết, có tính kỷ luật cao, yên tâm công tác.
- Công ty có nhiều địa bàn và khách hàng truyền thống, đặc biệt là trong Bộ Quốc phòng.
- Có hệ thống quy chế, quy trình làm việc đầy đủ, hoàn chỉnh. Các đơn vị trong công ty có sự phối hợp chặt chẽ trong công việc; có hệ thống quản lý chất lượng đã được duy trì nhiều năm.

❖ Khó khăn:

- Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành nghề.
- Giá trị doanh thu của Công ty còn phụ thuộc nhiều vào các dự án có vốn đầu tư công; các nguồn vốn tư nhân và vốn khác chiếm tỷ lệ thấp.

- Trang thiết bị tuy thường xuyên được đầu tư bổ sung song vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu SXKD, Công ty chủ yếu sử dụng trang thiết bị thuê mượn trong tổ chức thi công.
- Năng lực thi công các công trình quy mô lớn còn hạn chế.
- Vốn điều lệ thấp, tỷ lệ vốn chủ sở hữu trong tổng tài sản chưa cao chủ yếu là vốn vay.
- Công nợ phải thu còn tồn đọng lớn, một số khoản dự kiến khó thu hồi.
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại quy mô còn nhỏ; hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty Biên phòng đang phải tạm dừng theo chỉ đạo của Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành có thế mạnh trong lĩnh vực thi công xây dựng các công trình dân dụng, nhà ở, thủy lợi, **giao thông**, các công trình quốc phòng vv... Trải qua quá trình hình thành và phát triển, với sự nỗ lực của tập thể Cán bộ nhân viên toàn Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã không ngừng phát triển về quy mô và ngành nghề sản xuất. Công ty đã tham gia thực hiện nhiều dự án lớn như: Các gói thầu xây dựng Hải đội 2 tại BCH Biên phòng các tỉnh, thành; Cải tạo và xây dựng mới Bộ chỉ huy biên phòng các tỉnh Cao Bằng, Kon Tum, Phú Yên, Gia Lai; Các gói thầu thuộc dự án đường Tuần tra Biên giới... Trong các năm gần đây, hoạt động SXKD của Công ty liên tục tăng trưởng, thị trường và thị phần được mở rộng, thương hiệu và uy tín của Công ty đã được nhiều chủ đầu tư và khách hàng ghi nhận.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trải qua giai đoạn bất động sản cũng như xây dựng phát triển nóng từ năm 2007 đến 2010, trong những năm sau đó Ngành xây dựng đã phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức do giá nguyên vật liệu đầu vào và lãi suất tăng cao, thị trường bất động sản trầm lắng... đã tác động tiêu cực đến ngành Xây dựng.

Tuy nhiên, từ năm 2014 trở lại đây, hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực Xây lắp đã có chuyển biến tích cực. Chính sách lãi suất ngân hàng điều chỉnh giảm đã giúp cho các doanh nghiệp tiếp cận được vốn vay, giá vật liệu xây dựng ổn định cùng với sự ấm lên của thị trường BĐS tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án, công trình. Các doanh nghiệp trong Ngành tiếp tục tập trung thực hiện tái cơ cấu, chủ động khắc phục khó khăn. Nguồn vốn cho đầu tư công được bổ sung, nhiều dự án quy mô lớn đã được khởi công, nhiều dự án đang tạm dừng được khởi động trở lại, hoạt động xây dựng nhà ở trong dân tăng khá cao đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất của Ngành.

Năm 2016, giá trị sản xuất ngành Xây dựng theo giá hiện hành ước đạt khoảng 1.089,3 nghìn tỷ đồng, tăng 10,4% so với năm 2015 đạt 104% kế hoạch năm; tính theo giá so sánh năm 2010 đạt khoảng 862,5 nghìn tỷ đồng, tăng 10,1% so với năm 2015. Theo giá so sánh năm 2010, giá trị tăng thêm của ngành Xây dựng năm 2016 đạt khoảng 189,2 nghìn tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2015, chiếm tỷ trọng 6,19% GDP cả nước (năm 2015 chiếm 5,97% GDP). Tỷ lệ đô thị hóa cả nước đạt khoảng 36,6%, tăng 0,9% so với năm 2015, đạt 99,5% kế hoạch năm; tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung xây dựng đô thị đạt 100%, quy hoạch phân khu đạt khoảng 75%, tăng 3% so

với năm 2015, quy hoạch chi tiết đạt khoảng 35%, tăng 2% so với năm 2015, đều đạt kế hoạch năm; quy hoạch xây dựng nông thôn đạt 99%, tăng 1% so với năm 2015, thấp hơn kế hoạch đề ra là 100%

Do vậy, nhận định trong giai đoạn từ 2017 - 2020, ngành Xây dựng tiếp tục xu thế phát triển.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Công ty Trường Thành luôn xác định lĩnh vực Xây lắp là hoạt động SXKD chính yếu của Công ty. Để phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty Trường Thành đã tích cực đầu tư bổ sung trang thiết bị, chú trọng đào tạo bồi dưỡng và tuyển dụng nhân sự có trình độ, năng lực và tay nghề cao. Với các nguồn lực và bề dày kinh nghiệm đã có, Công ty Trường Thành có đủ khả năng để thi công hoàn thành các loại công trình như: dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, an ninh quốc phòng vv...

Trong tổ chức thi công, Công ty luôn chú trọng tới hoạt động kiểm soát chất lượng, tiến độ, an toàn lao động và hiệu quả kinh tế; Các kỹ thuật và công nghệ thi công mới thường xuyên được cập nhật; các hoạt động liên danh, liên kết trong tổ chức thi công cũng được Công ty áp dụng đối với một số công trình đặc thù.

Với sự chú trọng nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm, uy tín và hình ảnh của Công ty đã được nâng cao, Công ty có khả năng thích ứng và phát triển cùng với xu thế phát triển của ngành.

VI. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh

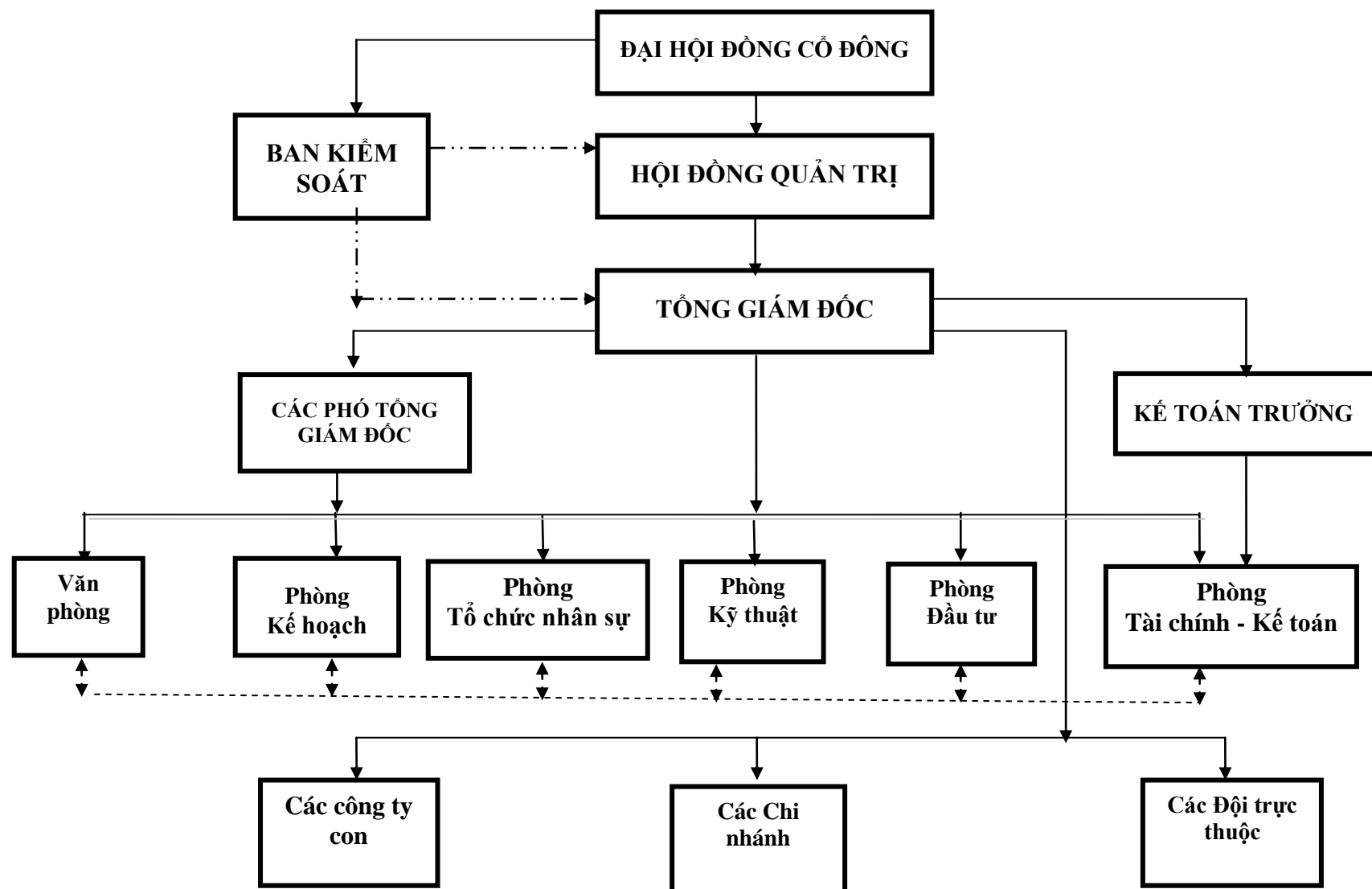
- Tên Công ty : Công ty cổ phần Trường Thành
- Tên tiếng anh : TRUONG THANH – JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : Truong Thanh
- Trụ sở chính : Số 36 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04.3837 2573
- Fax : 04.3837 2573
- **Ngành nghề kinh doanh**

Sau khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty vẫn tập trung hoạt động sản xuất kinh doanh các ngành nghề kinh doanh như trước cổ phần hóa và mở rộng thêm một số ngành nghề kinh doanh khác, cụ thể như sau:

| TT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành |
|----|---|--------------------|
| 1 | Xây dựng nhà các loại | 4100 |
| 2 | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ | 4210 |
| 3 | Xây dựng công trình công ích: đê, đập, thủy lợi, thủy điện | 4220 |
| 4 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4290 |
| 5 | Phá dỡ | 4311 |
| 6 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 7 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |
| 8 | Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí | 4322 |
| 9 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác | 4329 |
| 10 | Hoàn thiện công trình xây dựng | 4330 |
| 11 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình cầu đường; Thiết kế cấp thoát nước; Thiết kế hệ thống điện; Thiết kế công trình đường thủy; Thiết kế kỹ thuật trắc địa, đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính; Kho sát trắc địa công trình; Giám sát xây dựng và hoàn thiện. | 7110 |
| 12 | Khai thác và thu gom than cứng | 5100 |
| 13 | Khai thác quặng không chứa sắt | 7210 |
| 14 | Khai thác và thu gom than non | 5200 |
| 15 | Khai thác đá, cát sỏi, đất sét | 8101,8102, 8103 |
| 16 | Vận tải hàng hoá bằng đường bộ | 4933 |
| 17 | Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương | 5012 |
| 18 | Kho bãi và lưu giữ hàng hoá | 5210 |

| TT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành |
|-----------|--|-----------------|
| 19 | Bốc xếp hàng hoá | 5224 |
| 20 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |
| 21 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | 5610 |
| 22 | Trồng cây cao su | 1250 |
| 23 | Khai thác gỗ | 2210 |
| 24 | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ | 2220 |
| 25 | Trồng rừng và chăm sóc rừng | 2109 |
| 26 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, cho thuê văn phòng | 6810 |
| 27 | Giáo dục nghề nghiệp | 8532 |
| 28 | Hoạt động của các cơ sở thể thao | 9311 |
| 29 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4661 |
| 30 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 4662 |
| 31 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 32 | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 33 | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 2511 |
| 34 | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông | 4652 |
| 35 | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và các thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741 |
| 36 | Giáo dục mầm non | 8510 |
| 37 | Giáo dục tiểu học | 8520 |
| 38 | Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông | 8531 |
| 39 | Giáo dục nghề nghiệp | 8532 |
| 40 | Giáo dục thể thao và giải trí | 8551 |
| 41 | Giáo dục văn hóa nghệ thuật | 8552 |
| 42 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải | 5229 |
| 43 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy | 5222 |
| 44 | Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa | 5022 |

2. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần



- ❖ **Đại hội đồng cổ đông:** gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- ❖ **Hội đồng quản trị:** do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành.
- ❖ **Ban Kiểm soát:** do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ, như: Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý, điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính công ty; Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.

❖ **Ban Giám đốc:**

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc theo luật định, theo Điều lệ của Công ty, v.v... và giải quyết những vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp hoặc ủy quyền cho Giám đốc.

Giám đốc điều hành chung các hoạt động của Công ty. Giám đốc bằng quyết định của mình phân công cho các Phó Giám đốc phụ trách một số lĩnh vực cụ thể. Theo yêu cầu điều hành trong từng thời gian, Giám đốc có thể điều chỉnh lại sự phân công công việc giữa các Phó Giám đốc. Khi cần thiết Giám đốc có thể ủy quyền cho Phó Giám đốc thực hiện một số nhiệm vụ của Giám đốc.

Quyết định vấn đề lớn hoặc đột xuất mới phát sinh, các sự cố như thiên tai, tai nạn... ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Bộ máy giúp việc:**

Các Phòng ban chuyên môn nghiệp vụ: có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, bao gồm:

- Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Kế hoạch, Phòng Kỹ thuật, Phòng Quản lý - Dự án, Phòng Tài chính Kế toán.
- Các công ty con;
- Các Chi nhánh;
- Các Đội trực thuộc.

- ❖ **Các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội:** Công ty cổ phần có Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, **hội phụ nữ**.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá

Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kể sau khi cổ phần hoá

| STT | Chỉ tiêu | Đ.vị tính | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|-----|-------------------------------------|-----------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1 | Tổng doanh thu | đồng | 564.272.000.000 | 620.699.200.000 | 682.769.120.000 |
| 2 | Vốn kinh doanh | đồng | 400.028.986.660 | 428.421.234.496 | 466.247.460.483 |
| 3 | Vốn điều lệ | đồng | 56.000.000.000 | 56.000.000.000 | 56.000.000.000 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | đồng | 6.189.546.055 | 6.408.869.047 | 7.451.468.386 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | đồng | 4.951.636.844 | 5.127.095.238 | 5.961.174.709 |
| 6 | Tổng số lao động | người | 1.743 | 1.820 | 1.900 |
| 7 | Thu nhập bình quân người/đồng/tháng | đồng | 7.761.000 | 7.900.000 | 8.030.000 |
| 8 | Các khoản thu nộp ngân sách | đồng | 7.810.487.809 | 8.591.536.590 | 9.450.690.249 |
| 9 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn CSH | % | 7,9 | 9,0 | 10,2 |
| 10 | Trích lập các quỹ | đồng | 990.327.369 | 1.025.419.048 | 1.192.234.942 |
| 11 | - Quỹ đầu tư phát triển | % | 10% | 10% | 10% |
| 12 | - Quỹ khen thưởng | % | 10% | 10% | 10% |
| 13 | Cổ tức được chia (%/VĐL) | % | 7% | 7% | 7% |

Nguồn: Phương án CPH

3.2. Các giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2017-2019 đã đề ra, Công ty đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

❖ **Về ngành nghề:**

- Xác định ngành nghề xây lắp là lĩnh vực chủ đạo nòng cốt, trong đó các ngành có thể mạnh như: Công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng, cầu đường, thủ lợi. Ưu tiên tập trung nguồn lực để phát triển ngành nhóm ngành dân dụng, công nghiệp, giao thông có quy mô lớn.
- Đối với các ngành nghề phụ trợ và kinh doanh thương mại phát triển theo hướng tăng cường liên danh, liên kết.

❖ **Giải pháp về tài chính, vốn:**

- Cân đối bảo đảm tốt nguồn tài chính cho sản xuất kinh doanh đặc biệt là phương án bù đắp nguồn vốn vay từ Bộ Tư lệnh Biên Phòng và Cục tài chính Bộ Quốc phòng sau cổ phần hóa.
- Tiếp tục tận dụng tối đa nguồn vốn ứng từ các công trình có nguồn vốn Quốc phòng.
- Đối với công tác quản lý tài chính nội bộ: Công ty sẽ tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực quản lý tài chính tại trụ sở và các đơn vị trực thuộc; thực hiện cắt giảm, tiết kiệm các chi phí không cần thiết...
- ❖ Giải pháp về quản trị doanh nghiệp:
 - Tiếp tục đổi mới, sắp xếp, kiện toàn, ổn định tổ chức của Công ty theo hướng tinh giảm, phân công phân nhiệm rõ, giảm đầu mối tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của cán bộ đáp ứng theo yêu cầu sản xuất kinh doanh.
 - Thành lập một số Ban quản lý dự án để trực tiếp điều hành, quản lý trực tiếp tại một số công trình thi công trọng điểm nhằm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng, hiệu quả.
 - Thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng của CBCNV; Xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, bảo đảm tính thống nhất trong chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ.
- ❖ Giải pháp về thị trường:
 - Củng cố vững chắc các địa bàn đang hoạt động. Nắm chắc thông tin và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan tới các công trình mục tiêu trong kế hoạch. Trong đó khu vực Biên phòng vẫn là thị trường trọng tâm. Đồng thời, tiếp tục phát triển mở rộng các địa bàn, thị trường mới ngoài Biên Phòng như: Quân khu 3, Bình chủng Thông tin vv...
 - Công ty tiếp tục triển khai các gói thầu mới, tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý theo hướng bài bản, chuyên nghiệp, minh bạch để thu hút nguồn nhân lực từ bên ngoài vào tham gia tạo nguồn cho đơn vị.
- ❖ Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:
 - Tận dụng tối đa nguồn nhân lực sẵn có tại Công ty, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo về kỹ thuật, tài chính, quản lý nhân sự ... nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV để đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ.
 - Với nhu cầu thực tế là ngành xây dựng ngày càng đòi hỏi phải có trình độ kiến thức tay nghề của các kỹ sư, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật. Công ty đã định hướng và phát triển nguồn nhân lực có trình độ năng lực cao trong thời gian tới nhằm đạt được hiệu quả cao trong thi công xây dựng công trình.
- ❖ Giải pháp về công tác quản lý xây dựng công trình:
 - Củng cố công tác quản lý tổ chức thi công theo đúng quy trình, quy định, bảo đảm bài bản, chuyên nghiệp, cụ thể:
 - Tăng cường bảo đảm nhân lực, cán bộ kỹ thuật hiện trường đặc biệt là đội ngũ chỉ huy trưởng công trường, tránh tình trạng quá tải, thiếu kiểm soát ở những đơn vị có sản lượng lớn dẫn tới không đảm bảo tiến độ, chất lượng

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng, tiến độ thi công các công trình, bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng.
- Thực hiện nghiêm các quy trình về cấp ứng vốn, quản lý tiến độ, chất lượng.
- ❖ Giải pháp về trang thiết bị:
 - Đầu tư đổi mới mua sắm trang thiết bị phục vụ các công trình giao thông, dân dụng...
 - Áp dụng công nghệ trong quản lý nguyên vật liệu, quản lý nhân công, tiến độ chất lượng công trình, công tác quản trị doanh nghiệp.
- ❖ Giải pháp về quản trị rủi ro:
 - Xây dựng chính sách chung về quản trị rủi ro, tạo ra sự nhận thức đầy đủ cũng như trách nhiệm của lãnh đạo Công ty và các bộ phận chuyên môn về rủi ro.
 - Xây dựng, ban hành, cập nhật sửa đổi bổ sung các quy chế quy định quản lý nội bộ, đảm bảo các hoạt động quản trị, điều hành cũng như tham mưu thừa hành nhiệm vụ phải công khai, minh bạch. Có sự phân công phân nhiệm rõ ràng trong lãnh đạo và các phòng ban trong hoạt động ngăn ngừa, kiểm soát rủi ro.
 - Đổi mới và nghiêm túc thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ cũng như kiểm tra, kiểm soát đối với các đơn vị phụ thuộc theo quy định.
 - Nâng cao trình độ chuyên môn và vị thế của bộ phận quản lý an toàn tại các dự án, công trường.

4. Cơ cấu lao động của Công ty sau cổ phần hoá

| STT | Trình độ | Số người | Tỷ lệ |
|-----------|---|------------|-------------|
| I | Phân theo trình độ | 126 | 100% |
| 1 | Trên đại học | 4 | 3,17% |
| 2 | Đại học | 80 | 63,49% |
| 3 | Cao đẳng | 6 | 4,76% |
| 4 | Trung cấp các loại | 23 | 18,25% |
| 5 | Sơ cấp, công nhân kỹ thuật | 13 | 10,32% |
| II | Phân theo thời hạn hợp đồng | 126 | 100% |
| 1 | Sĩ quan, QNCN | 35 | 27,78% |
| 2 | Công nhân viên quốc phòng (sẽ chuyển sang ký Hợp đồng lao động) | 11 | 8,73% |
| 3 | Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn | 60 | 47,62% |

| STT | Trình độ | Số người | Tỷ lệ |
|------------|--|------------|-------------|
| 4 | Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng | 20 | 15,87% |
| III | Phân loại theo giới tính | 126 | 100% |
| 1 | Nam | 84 | 66,67% |
| 2 | Nữ | 42 | 33,33% |

5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần

❖ *Vốn điều lệ*

- Vốn điều lệ: 56.000.000.000 đồng .
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần: 5.600.000 cổ phần.

❖ *Cơ cấu cổ đông*

| TT | Danh mục | Số cổ phần (CP) | Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng) | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|--|------------------|--------------------------------------|---------------|
| 1 | Cổ phần nhà nước | 2.240.000 | 22.400.000.000 | 40,00 |
| 2 | Cổ phần bán cho CBCNV, trong đó: | 343.100 | 3.431.000.000 | 6,13 |
| 2.1 | Cổ phần bán ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất | 151.400 | 1.514.000.000 | 2,70 |
| 2.2 | Cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài cho Công ty (200 CP/năm công tác) | 36.200 | 362.000.000 | 0,65 |
| 2.3 | Cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài cho Công ty (500 CP/năm công tác) | 155.500 | 1.555.000.000 | 2,78 |
| 3 | Cổ phần bán cho Tổ chức công đoàn | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Cổ phần bán ra bên ngoài | 3.016.900 | 30.169.000.000 | 53,87 |
| 4.1 | Nhà đầu tư chiến lược | - | - | - |
| 4.2 | Bán đấu giá công khai | 3.016.900 | 30.169.000.000 | 53,87 |
| | Tổng Cộng | 5.600.000 | 56.000.000.000 | 100,00 |

VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN**1. Phương thức bán****❖ Đối với người lao động**

a) *Cổ phần ưu đãi giảm giá (giảm 40% bán cho NLD) theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP*

| | | |
|--|---|---|
| Tổng số lao động | : | 144 người |
| Tổng số LD được mua CP theo giá ưu đãi | : | 127 người |
| Tổng số năm công tác | : | 1.514 năm |
| Tổng số cổ phần được mua theo giá ưu đãi | : | 151.400 cổ phần, tương đương 2,70% Vốn điều lệ |
| Loại cổ phần | : | Cổ phần phổ thông |
| Hạn chế chuyển nhượng | : | Không |
| Giá bán cổ phần ưu đãi | : | 60% giá bán thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá |
| Thời gian thực hiện dự kiến | : | Sau khi thực hiện đấu giá công khai |

b) *Cổ phần đăng ký mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP.*

| | | |
|--|---|---|
| Tiêu chí xác định tại | : | Biên bản Hội nghị người lao động ngày 10/04/2017 |
| Tổng số LD cam kết làm việc lâu dài | : | 74 người |
| Tổng số CP được mua theo cam kết số năm làm việc | : | 191.700 cổ phần, tương đương 3,42% Vốn điều lệ |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - <i>Mua thêm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 NĐ 59/2011/NĐ-CP(200cp/1 năm)</i> | : | <i>36.200 cổ phần, tương đương 0,65% Vốn điều lệ</i> |
| - <i>Mua thêm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 NĐ 59/2011/NĐ-CP(500cp/1 năm)</i> | : | <i>155.500 cổ phần, tương đương 2,78% Vốn điều lệ</i> |
| Loại cổ phần | : | Cổ phần phổ thông |
| Hạn chế chuyển nhượng | : | Hạn chế chuyển nhượng theo thời gian cam kết làm việc |

| | | |
|-----------------------------|---|--|
| Giá bán | : | Bằng giá bán thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá |
| Thời gian thực hiện dự kiến | : | Sau khi thực hiện đấu giá công khai |

❖ **Đối với cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn**

Tổ chức Công đoàn công ty không đăng ký mua cổ phần

❖ **Đối với cổ phần thực hiện đấu giá công khai**

- Số cổ phần tổ chức bán đấu giá: 3.016.900 cổ phần, tương ứng 53,87% Vốn điều lệ
- Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

❖ **Đối với cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược**

Công ty không có nhà đầu tư chiến lược

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần bán đấu giá công khai: phương thức và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định cụ thể trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành;
- Đối với cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên: do Ban Chỉ đạo cổ phần hoá quy định.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ

1. Dự kiến số tiền thu được từ cổ phần hóa

| TT | Khoản mục chi phí | Giá trị (đồng) |
|----|---|----------------|
| 1 | Vốn điều lệ Công ty cổ phần | 56.000.000.000 |
| 2 | Vốn nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại | 55.988.574.304 |
| 3 | Tiền thu từ cổ phần hóa | 32.994.400.000 |
| A | Thu từ bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV | 908.400.000 |
| B | Thu từ bán cổ phần cho CBCNV mua thêm | 1.917.000.000 |
| C | Thu từ bán cổ phần cho Tổ chức công đoàn | 0 |
| D | Thu từ bán cho cổ đông chiến lược | 0 |
| E | Thu từ bán cổ phần ra bên ngoài thông qua đấu giá | 30.169.000.000 |
| 4 | Giá trị cổ phần theo giá khởi điểm bán cho CBCNV, Tổ chức công đoàn, cổ đông chiến lược, bán đấu giá ra bên ngoài | 33.600.000.000 |

| TT | Khoản mục chi phí | Giá trị (đồng) |
|-----------|--|-----------------------|
| 5 | Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm (5) = (1) - (2) | 11.425.696 |
| 6 | Chi phí cổ phần hóa đơn vị thực hiện | 500.000.000 |
| 7 | Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư | 200.592.500 |
| 8 | Chi phí thôi việc đối với Công nhân viên quốc phòng | 326.358.175 |
| 9 | Phần thặng dư để lại doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/vốn điều lệ (8) = { (3) - (4) - (6) - (7) } x { (5)/(1) } | 0 |
| 10 | Tổng số hoàn vốn ngân sách (9) = (3) - (5) - (6) - (7) - (8) - (9) | 31.956.023.629 |

Nguồn: Phương án CPH

2. Phương án xử lý số tiền thu được từ cổ phần hóa

- Nộp về Quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP phần giá trị cổ phần Nhà nước bán bớt theo mệnh giá. Để lại doanh nghiệp phần giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá.
- Phần thặng dư vốn (chênh lệch giữa tiền thu từ cổ phần hóa và tổng mệnh giá cổ phần nhà nước bán bớt cộng (+) cổ phần phát hành thêm) được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư (nếu có). Số tiền còn lại (nếu có) được phân chia như sau:
 - + Để lại cho doanh nghiệp theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần phát hành thêm.
 - + Số tiền còn lại (nếu có) được nộp về Quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.
- Trường hợp phần thặng dư vốn không đủ để thanh toán chi phí cổ phần hóa và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư thì được bổ sung từ nguồn Quỹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

IX. KẾ HOẠCH THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Số cổ phần mua qua đấu giá sẽ được lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính.

Sau khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp), Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng theo Điều 14 Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Chính phủ.

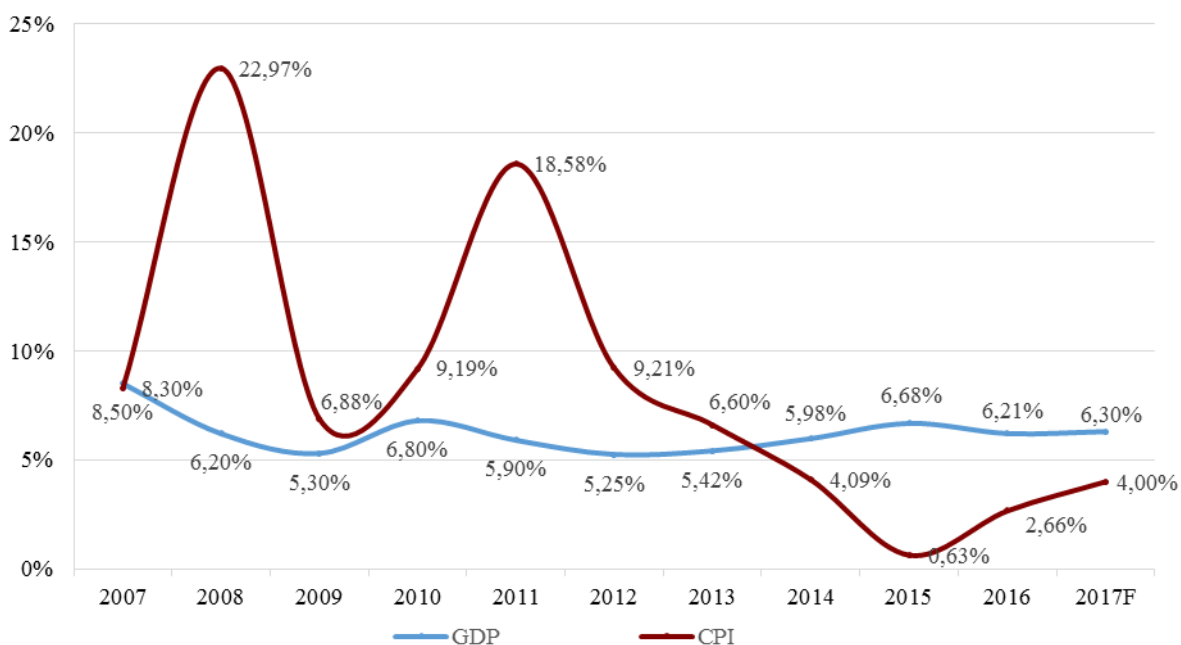
X. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Rủi ro về nền kinh tế

- ❖ *Tăng trưởng kinh tế:*

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2016, nền kinh tế Việt Nam có mức tăng trưởng GDP đạt 6,21% (trong đó quý I tăng 5,48%, quý II tăng 5,78%, quý III tăng 6,56% và quý IV tăng 6,68%), thấp hơn mức 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra. Tuy nhiên, xét trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công. Mức tăng trưởng này đã vượt dự đoán 6% mà Ngân hàng Thế giới đưa ra năm 2016, giúp Việt Nam đứng thứ 4 trong nhóm các quốc gia đang phát triển tại châu Á, sau Ấn Độ, Trung Quốc và Philippines.

Tăng trưởng GDP và chỉ số CPI của Việt Nam giai đoạn 2007 – 2016 và triển vọng 2017



Nguồn: Tổng cục thống kê và dự báo của WB

Trong mức tăng 6,21% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,36%, thấp nhất kể từ năm 2011 trở lại đây, đóng góp 0,22 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,57%, thấp hơn mức tăng 9,64% của năm trước, đóng góp 2,59 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,98%, đóng góp 2,67 điểm phần trăm.

Trước mức tăng trưởng chậm lại sau chuỗi tăng liên tiếp của giai đoạn 2012 – 2015, Tổng cục Thống kê cho biết, khí hậu khắc nghiệt, thiên tai biến đổi và nền kinh tế toàn cầu không thuận lợi là những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này. Điển hình, hạn hán ở vùng trồng cà phê Tây Nguyên, nhiễm mặn ở đồng lúa đồng bằng sông Mekong, giá rét ở miền Bắc và ngập lụt ở miền Trung đã làm giảm mức tăng trưởng ngành nông nghiệp xuống chỉ còn 1,36%. Trong năm, thiên tai đã gây thiệt hại 18,3 ngàn tỷ đồng (tương đương 813 triệu USD). Ngành khai khoáng của Việt Nam giảm 4% năm nay do giá than và dầu thô thế giới sụt giảm. Sự cố môi trường biển hồi tháng Tư do nhà máy sản xuất thép ở Hà Tĩnh, thuộc tập đoàn Formosa Đài Loan gây ra đã làm cạn kiệt nguồn cá và gây thiệt hại lớn cho ngành du lịch.

Tuy tăng trưởng chậm song Báo cáo tổng quan thị trường tài chính năm 2016 của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia (NFSC) nhận định điểm sáng trong điều hành chính sách vĩ mô 2016 là thực thi chính sách tiền tệ linh hoạt, nhân tố chủ đạo hỗ trợ cho doanh nghiệp, góp phần ổn định thị trường tài chính, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhưng vẫn đảm bảo lạm phát ổn định.

Năm 2017, tăng trưởng GDP được Chính phủ đặt ra là 6,7%. NFSC nhận định, trong năm 2017 tới, tăng trưởng kinh tế sẽ được cải thiện khá nhờ cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, giá năng lượng và nông sản thế giới được dự báo phục hồi, tạo xung lực mới cho khu vực tư nhân. Khu vực này sẽ trở thành động lực chính của năm 2017. Chính vì vậy, tăng trưởng kinh tế năm 2017 có khả năng đạt mức 6,7%.

Một số tổ chức khác cũng đưa ra dự báo về mức tăng trưởng kinh tế 2017 của Việt Nam như: Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự đoán tăng trưởng của Việt Nam đạt 6,3%; Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cho rằng Việt Nam chỉ có thể đạt 6,2%. Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia (NCIF) thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đưa ra hai kịch bản dự báo tích cực về triển vọng nền kinh tế nhờ tác động từ những chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ thời gian qua: Theo kịch bản 1 (kịch bản cơ sở) với nhiều khả năng xảy ra hơn; trong đó, nền kinh tế tiếp tục được duy trì ổn định và tiếp đà phát triển, hiệu quả đầu tư trong nước tiếp tục cải thiện tăng trưởng kinh tế năm 2017 sẽ ở mức khoảng 6,44%, lạm phát khoảng 5%. Với kịch bản 2 (kịch bản cao), tăng trưởng kinh tế được dự báo khoảng 6,72% và lạm phát ở mức 6%.

Những biến động trong tốc độ tăng trưởng GDP sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới tốc độ đầu tư và mức chi tiêu của nền kinh tế, từ đó ảnh hưởng hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ **Lạm phát:**

CPI bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với bình quân năm 2015. Mức tăng CPI tháng 12/2016 so với cùng kỳ năm 2015 và mức tăng CPI bình quân năm 2016 so với bình quân năm 2015 tăng cao hơn so với năm trước, nhưng thấp hơn nhiều so với mức tăng CPI bình quân của một số năm gần đây (Biểu đồ 1), đồng thời vẫn nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đề ra.

Năm 2017, nghị quyết của Quốc hội đã đề ra mục tiêu tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%. Tuy nhiên, Báo cáo diễn biến thị trường giá cả năm 2016 của Vụ thị trường trong nước (Bộ Công Thương) nhận định, năm 2017, chỉ số giá tiêu dùng bình quân sẽ chịu nhiều áp lực tăng từ giá thế giới, điều chỉnh giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý và chính sách tiền tệ. Do đó, mục tiêu Quốc hội giao là khoảng 4% khó đạt được. Bên cạnh đó, việc đồng USD tăng giá và mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2017 tương đối cao là 6,7% sẽ tạo sức ép lên lạm phát trong năm tới. Báo cáo triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam do khối nghiên cứu của Ngân hàng HSBC mới công bố với thông điệp “Triển vọng thị trường Việt Nam: Nhiều lý do để phấn khởi” cũng đã dự báo, trong năm 2017, lạm phát của Việt Nam có thể sẽ dao động từ 4,4% đến 4,8% trong mỗi quý.

Lạm phát tăng có thể ảnh hưởng đến chi phí đầu vào, hoạt động sản xuất kinh doanh theo đó có khả năng bị đình trệ, các doanh nghiệp và người tiêu dùng sẽ tiết giảm chi phí, giảm đầu tư dẫn đến ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây nên không ít

khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện. Công ty sau cổ phần hóa sẽ hoạt động theo Luật doanh nghiệp và chịu sự điều tiết của các văn bản pháp luật liên quan, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Đặc thù của hoạt động xây lắp là thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu được thực hiện theo từng giai đoạn. Bên cạnh đó, quá trình thi công còn phụ thuộc vào các yếu tố như mặt bằng, thời tiết, chính sách thuế, tiền lương vv...

Sắt, thép, xi măng ... là những nguyên vật liệu xây dựng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất. Sự biến động về giá cả của nguyên vật liệu có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở địa bàn thi công và mức độ nhu cầu nguyên vật liệu của công trình theo từng giai đoạn để lựa chọn mua vật tư, hạn chế lượng nguyên vật liệu tồn kho, tăng cường công tác tiết kiệm, hạn chế hao hụt vật tư.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, thị trường chứng khoán biến động bất thường ... vì thế sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp. Việc bán đấu giá cổ phần có thực hiện thành công hay không không chỉ phụ thuộc vào doanh nghiệp bán đấu giá cổ phần mà còn phụ thuộc vào mức độ quan tâm của các nhà đầu tư.

5. Các rủi ro khác

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, khoản phát sinh chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chuyển sang Công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (đối với Công ty là 0h00 ngày 01/01/2016) thì xử lý như sau:

5.1. Nếu do nguyên nhân khách quan:

Nếu do nguyên nhân khách quan (do thiên tai; địch họa; do Nhà nước thay đổi chính sách hoặc do biến động của thị trường quốc tế và các nguyên nhân bất khả kháng khác) doanh nghiệp báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định việc sử dụng tiền thu từ bán cổ phần để bù đắp tổn thất sau khi trừ đi bồi thường của bảo hiểm (nếu có). Trường hợp tiền thu từ bán cổ phần không đủ bù đắp, cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét thông qua Đại hội đồng cổ đông để điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

5.2. Nếu do nguyên nhân chủ quan:

- Nếu lỗi do việc không xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp thì phải xác định rõ trách nhiệm của

các cơ quan có liên quan: doanh nghiệp, tổ chức tư vấn định giá và cơ quan quyết định cổ phần hóa để xử lý bồi thường vật chất;

- Nếu lỗi do điều hành sản xuất, kinh doanh thì các cán bộ quản lý doanh nghiệp đó có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tổn thất do chủ quan gây ra theo quy định hiện hành;
- Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người có trách nhiệm bồi thường không có khả năng thực hiện việc bồi thường theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phần tổn thất còn lại được xử lý như trường hợp do nguyên nhân khách quan theo quy định tại mục 5.2 nói trên.

Ngoài ra còn có các rủi ro khác như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty.

XI. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra ngoài công chúng của Công ty TNHH một thành viên Trường Thành thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH một thành viên Trường Thành cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty.

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG THÀNH
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**

(đã ký)

Thiếu tướng Võ Hồng Thắng

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG THÀNH

CHỦ TỊCH CÔNG TY

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

(đã ký)

Đại tá TÔ VĂN DŨNG

Trung tá VŨ BÁ HIỆN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC**

(đã ký)

VŨ ĐỨC TIẾN